

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001-2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Anh Tùng**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH  
TÂN AN THỊNH VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY  
NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Anh Tùng**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên : Trần Anh Tùng      Mã SV : 1412401333

Lớp : QT1807K                      Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH  
máy tính Tân An Thịnh Việt Nam

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ )

- Hệ thống hóa lý luận chung về tổ chức kế toán hàng hóa trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Mô tả thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán

Sử dụng số liệu kế toán của Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam năm 2015

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất

Họ và Tên : **Nguyễn Thị Mai Linh**

Học hàm học vị : **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác : **Đại học dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn : **Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam**

### Người hướng dẫn thứ hai

Họ và tên : .....

Học hàm học vị : .....

Cơ quan công tác : .....

Nội dung hướng dẫn : .....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày..... tháng .....năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày.....tháng .....năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

**Trần Anh Tùng**

**Nguyễn Thị Mai Linh**

**Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2016**

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NSUT Trần Hữu Nghị**

# PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

## 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao .

## 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Chương 1: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Chương 2: Sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu vào phân tích thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh, có số liệu minh họa cụ thể ( năm 2015 ). Số liệu minh họa giữa chứng từ và sổ sách có tính logic và chính xác cao
- Chương 3: Sau khi đánh giá những ưu nhược điểm của công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh, tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty

## 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số :.....

Bằng chữ :.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2016

**Cán bộ hướng dẫn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ths. Nguyễn Thị Mai Linh*

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....</b>	<b>2</b>
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	2
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của hàng hóa .....	2
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	4
1.1.4 Phân loại và tính giá của hàng hóa.....	4
1.1.4.1 Phân loại hàng hóa .....	4
1.1.4.2 Tính giá của hàng hóa. ....	5
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ....	11
1.2.1 :Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	11
1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song.....	11
1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:.....	14
1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư:.....	16
1.2.2 :Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	18
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên....	18
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	22
1.3 Kế toán dự phòng giảm giá hàng hóa .....	24
1.4 : Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	25
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung:.....	26
1.4.2.Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái: .....	27
1.4.3Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: .....	28
1.4.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính: .....	30
<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH TÂN AN THỊNH VIỆT NAM .....</b>	<b>31</b>
2.1 Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Máy tính Tân An Thịnh.....	31
2.1.1 Chức năng: .....	32
2.1.2 Nhiệm vụ: .....	32
2.1.3 Ngành nghề kinh doanh: .....	32

2.2 Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, nhiệm vụ chức năng của từng bộ phận. ....	33
2.2.1 Cơ cấu:.....	33
2.2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty:.....	34
2.2.3 Chức năng, nhiệm vụ: .....	34
2.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh .....	35
2.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam .....	35
2.3.2. Các chính sách phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	36
2.3.3 .Tổ chức hệ thống chứng và từ tài khoản tại công ty.....	36
2.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán .....	36
2.3.5 Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.....	38
2.4 Thực trạng tổ chức kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh .....	38
2.4.1 Đặc điểm hàng hóa tại Công ty.....	38
2.4.2 Kế toán chi tiết hàng hóa.....	38
2.4.2.1 Thủ tục nhập xuất kho hàng hóa .....	38
2.5: Kế toán tổng hợp hàng hóa tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh .....	60
2.5.1 Chứng từ sử dụng:.....	60
2.5.2 Tài khoản sử dụng:.....	60
2.5.3. Quy trình hạch toán hàng hóa của công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh .....	61
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH TÂN AN THỊNH .....</b>	<b>64</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán hàng hóa tại công ty.....	64
3.1.1. Ưu điểm.....	64
3.1.2. Nhược điểm.....	65
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh.....	66
3.2.1. Hoàn thiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho .....	66
3.2.2. Hiện đại hóa công tác kế toán .....	69
3.2.3. Về công tác xây dựng danh điểm hàng hóa .....	72
3.2.4. Một số giải pháp khác: .....	73
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>74</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>75</b>



## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ song song.....	13
Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển .....	15
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ số dư.....	17
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	21
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	23
Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.....	26
Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – sổ cái .....	27
Sơ đồ 1.8Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.....	29
Sơ đồ1.9 Trình tự kế toán theo hình thức kế toán máy.....	30
Sơ đồ 2.1 tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh ...	34
Sơ đồ 2.2Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam .....	35
Sơ đồ 2.3 Trình tự kế toán tại Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh.....	37
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung: .....	37
Sơ đồ 2.4 quá trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song .....	40
Sơ đồ 2.5Trình tự ghi sổ kế toán của công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh .....	61

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1 HĐGTGT 0000041 .....	44
Biểu 2.2 Phiếu nhập kho 493 .....	45
Biểu 2.3 Biên bản giao nhận cao su .....	46
Biểu 2.4 HĐ GTGT 0000193 .....	47
Biểu 2.5 Phiếu xuất kho 504 .....	48
Biểu 2.6 HĐ 0000217.....	50
Biểu 2.7 Phiếu nhập kho 415 .....	51
Biểu 2.8 Biên bản giao nhận máy tính.....	52
Biểu 2.9 HĐ 0000175.....	53
Biểu 2.10 Phiếu xuất kho 445 .....	54
Biểu 2.11 Thẻ kho cao su.....	55
Biểu 2.12 Thẻ kho máy tính.....	56
Biểu 2.13 Sổ chi tiết cao su.....	57
Biểu 2.14 Sổ chi tiết máy tính.....	58
Biểu 2.15 Bảng tổng hợp nhập xuất tồn.....	59
Biểu 2.16 Sổ nhật kí chung .....	62
Biểu 2.17 Sổ cái 156 .....	63

## LỜI MỞ ĐẦU

Đối với doanh nghiệp thì hàng hóa là quan trọng nhất. Do đó việc quản lý hàng hóa phải thật chính xác và chặt chẽ thì doanh nghiệp mới đạt được kết quả tốt trong kinh doanh, mang lại lợi nhuận cao. Bên cạnh đó doanh nghiệp cần quan tâm đến tất cả các yếu tố đầu vào và tăng cường thúc đẩy các yếu tố đầu ra sao có hiệu quả nhất, với mục đích cuối cùng đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho doanh nghiệp. Từ các nhiệm vụ trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý là tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp, đặc biệt với doanh nghiệp

Chính vì thế sau một thời gian thực tập tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam, em đã đi sâu vào tìm hiểu, nghiên cứu tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty và được sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của các cô, chú, anh chị trong công ty và đặc biệt là phòng kế toán, cùng với sự hướng dẫn của Ths. Nguyễn Thị Mai Linh, em đã chọn đề tài “ **Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam**” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam

- Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam

Mặc dù bản thân em đã có cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu, song do thời gian có hạn, vấn đề nghiên cứu phức tạp nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em mong được nhận sự chỉ bảo của các anh chị phòng kế toán cùng các thầy cô để em hoàn thiện bài khóa luận và nâng cao kiến thức cho bản thân nhằm phục vụ tốt quá trình công tác thực tế sau này.

Em chân thành cảm ơn !

**CHƯƠNG I:****NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

Trong nền kinh tế hiện nay, sự cạnh tranh thị trường của các doanh nghiệp đang diễn ra hết sức gay gắt. Hoạt động doanh nghiệp diễn ra theo thu chi T-H-T, hay nói cách khác nó bao gồm hai giai đoạn mua và bán hàng hóa.

Để quản lý một cách tốt nhất đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, không phân biệt thành phần kinh tế, lĩnh vực hoạt động hay hình thức sở hữu nào đều phải sử dụng đồng thời hàng loạt các công cụ quản lý khác nhau, trong đó, kế toán được coi là công cụ hữu hiệu và quan trọng nhất. Và để điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh thương mại của mình, các công ty cần tổ chức công tác kế toán hàng hóa như một công cụ đặc lực để hỗ trợ điều đó.

Đối với doanh nghiệp, hàng hóa chiếm tỉ trọng khá lớn trong cơ cấu tài sản lưu động của doanh nghiệp, là một khâu trong quá trình luân chuyển vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Giá trị hàng tồn kho cho thấy tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp có bị ứ đọng hay không? Do vậy, hàng tồn kho cũng như mọi tài sản khác cần quản lý chặt chẽ để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

**1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của hàng hóa**

- **Khái niệm:**

Hàng hóa trong doanh nghiệp tồn tại dưới hình thức vật chất, là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người, được thực hiện thông qua mua bán trên thị trường. Nói cách khác là hàng hóa trong doanh nghiệp là những hàng hóa, vật tư,... mà doanh nghiệp mua vào để bán phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng

Trị giá hàng mua vào, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí thu mua hàng hóa như chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng

hóa. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua hàng hóa.

- Hàng hóa trong doanh nghiệp có những đặc điểm sau:

- Hàng hoá rất đa dạng và phong phú: Sản xuất không ngừng phát triển, nhu cầu tiêu dùng luôn biến đổi và có xu hướng ngày càng tăng dẫn đến hàng hoá ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều chủng loại.

- Hàng hoá có đặc tính lí, hoá, sinh học: Mỗi loại hàng có các đặc tính lí, hoá, sinh học riêng. Những đặc tính này có ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng hàng hoá trong quá trình thu mua, vận chuyển, dự trữ, bảo quản và bán ra.

- Hàng hoá luôn thay đổi về chất lượng, mẫu mã, thông số kỹ thuật...

Sự thay đổi này phụ thuộc vào trình độ phát triển của sản xuất, vào nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng. Nếu hàng hoá thay đổi phù hợp với nhu cầu tiêu dùng thì hàng hoá được tiêu thụ và ngược lại

- Trong lưu thông, hàng hoá thay đổi quyền sở hữu nhưng chưa đưa vào sử dụng. Khi kết thúc quá trình lưu thông, hàng hoá mới được đưa vào sử dụng để đáp ứng nhu cầu cho tiêu dùng hay sản xuất.

- Hàng hoá có vị trí rất quan trọng trong các doanh nghiệp, quá trình vận động của hàng hoá cũng là quá trình vận động của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mua hàng là giai đoạn đầu tiên trong quá trình lưu chuyển hàng hoá tại các doanh nghiệp kinh doanh thương mại. Là quá trình vận động của vốn kinh doanh từ vốn tiền tệ sang vốn hàng hoá.

- Bán hàng là giai đoạn cuối cùng kết thúc quá trình lưu thông hàng hoá, sự chuyển hoá vốn kinh doanh từ vốn hàng hoá sang vốn tiền tệ.

- Bảo quản và dự trữ hàng hoá là khâu trung gian của lưu thông hàng hoá, hàng hoá vận chuyển từ lĩnh vực sản xuất sang lĩnh vực tiêu dùng. Để quá trình kinh doanh diễn ra bình thường, các doanh nghiệp phải có kế hoạch dự trữ hàng hoá 1 cách hợp lí

Có thể khẳng định rằng hàng hóa có 1 vị trí quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, việc tập trung quản lý 1 cách chặt chẽ tất cả các khâu, từ thu mua, dự trữ, đến tiêu thụ, trên tất cả các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm, chi phí vận chuyển, chi phí bảo quản, xác định giá vốn hàng bán, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

-Kế toán hàng hóa là công cụ quan trọng và không thể thiếu của quản lý hàng hóa cả về cả mặt hiện vật và giá trị nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, ngăn ngừa hạn chế đến mức thấp nhất, nhưng mất mát, hao hụt hàng hóa trong các khâu của quá trình kinh doanh thương mại làm tăng lợi nhuận của công ty.

### **1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập xuất và tồn kho hàng hóa. Tính giá thành thực tế của hàng hóa đã thu mua và nhập kho, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua hàng hóa về mặt số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Áp dụng đúng đắn các phương pháp về kỹ thuật hạch toán hàng hóa, hướng dẫn kiểm tra các bộ phận, tự trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu về hàng hóa ( lập chứng từ, luân chuyển chứng từ) mở các sổ... thực hiện các chế độ đúng phương pháp quy định nhằm đảm bảo sử dụng thống nhất trong công tác kế toán, tạo điều kiện cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác kế toán trong phạm vi ngành kinh tế và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

- Tham gia kiểm kê đánh giá hàng hóa theo chế độ Nhà nước quy định, lập báo cáo về tình hình nhập- xuất- tồn hàng hóa phục vụ công tác quản lý và lãnh đạo. Tiến hành phân tích kinh tế, tình hình cung cấp, tiêu thụ hàng hóa để tăng cường quản lý hàng hóa một cách có hiệu quả trong hoạt động kinh doanh doanh nghiệp, để đạt được mục tiêu tăng doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp.

### **1.1.4 Phân loại và tính giá của hàng hóa.**

#### **1.1.4.1 Phân loại hàng hóa**

Theo tính chất thương phẩm kết hợp với đặc trưng kỹ thuật thì hàng hoá được chia theo từng ngành hàng, trong từng ngành hàng bao gồm nhiều nhóm hàng, mỗi nhóm hàng có nhiều mặt hàng, mỗi mặt hàng lại có giá cả khác nhau.

- Hàng hoá gồm có các ngành hàng:
  - +Hàng kim khí điện máy
  - +Hàng hoá chất mỏ
  - +Hàng xăng dầu
  - +Hàng dệt may, bông vải sợi
  - +Hàng da cao su
  - +Hàng gốm sứ, thuỷ tinh
  - +Hàng mây, tre đan

- +Hàng rượu bia, thuốc lá
- Theo nguồn gốc sản xuất, hàng hóa được chia thành:
  - +Ngành hàng nông sản
  - +Ngành hàng lâm sản
  - +Ngành hàng thủy sản
- Theo khâu lưu thông, hàng hoá được chia thành:
  - +Hàng hoá ở khâu bán buôn
  - +Hàng hoá ở khâu bán lẻ
- Theo phương thức vận động, hàng hóa được chia thành:
  - +Hàng hoá chuyên qua kho
  - +Hàng hoá chuyên giao bán thẳng

Việc phân loại và xác định những hàng nào thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp ảnh hưởng tới việc tính chính xác của hàng tồn kho phản ánh trên bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh. Vì vậy, việc phân loại hàng tồn kho là cần thiết và quan trọng đối với doanh nghiệp

#### **1.1.4.2 Tính giá của hàng hóa.**

Tính giá hàng hóa là dùng tiền để biểu thị giá trị của hàng hóa theo nguyên tắc nhất định đảm bảo yêu cầu chân thực và thống nhất. Kế toán nhập xuất tồn kho hàng hóa phải phản ánh theo giá trị thực tế (hay theo giá gốc). Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hay phương pháp khấu trừ mà trong giá thực tế có thuế GTGT hay không có thuế GTGT. Giá thực tế của hàng hóa là toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được loại hàng hóa đó. Giá trị thực tế bao gồm giá bản thân hàng hóa và chi phí thu mua, chi phí gia công, chi phí chế biến.

##### **a) Tính giá hàng hóa nhập kho**

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng hóa tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Giá gốc hàng hóa bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí mua của hàng hóa bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết

khẩu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua.

- Chi phí chế biến hàng hóa bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp để sản phẩm hàng hóa như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung (cố định và biến đổi) phát sinh trong quá trình chuyển hóa hàng hóa thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí thu mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

Chi phí không được tính vào giá gốc hàng hóa gồm:

+ Chi phí bán hàng.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Chi phí bảo quản hàng tồn kho (trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng).

Đối với hàng hóa nhập kho thì giá thực tế mua ngoài được xác định theo từng nguồn nhập, cụ thể:

- Đối với hàng hóa mua ngoài:

Giá thực tế hàng hóa nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí khác liên quan	+	Các khoản thuế không đc hoàn lại	-	Giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại
-------------------------------	---	--------------------------	---	------------------------	---	----------------------------------	---	--

**Giá mua ghi trên hóa đơn** là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán theo hợp đồng hay hóa đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng, cụ thể là:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua hàng hóa là giá chưa có thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng không chịu thuế GTGT thì giá mua là tổng thanh toán.

**Các khoản thuế không hoàn lại:** Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (không khấu trừ)

**Chi phí thu mua hàng hóa:** Chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ, lưu kho, lưubãi, bảo hiểm hàng mua, hao hụt trong định mức cho phép, công tác phí của bộ phận thu mua,...

**Chiết khấu thương mại:** Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận.



**Giảm giá hàng mua:** Là số tiền người bán giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách... khoản này ghi giảm giá mua hàng hóa.

- Đối với hàng hóa mà doanh nghiệp nhận góp vốn

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá hàng hóa do hội} & & \\ \text{nhập kho} & = & \text{đồng định giá} & + & \text{Chi phí liên quan} \end{array}$$

- Đối với hàng hóa điều chuyển:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá hàng hóa do hội} & & \\ \text{nhập kho} & = & \text{đồng định giá} & + & \text{Chi phí liên quan} \end{array}$$

- Hàng hóa được biếu tặng:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá thực được xác định} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{nhập kho} & = & \text{theo giá thị trường} & - & \text{chuyển bốc xếp} \end{array}$$

Đối với hàng tồn kho là hàng hóa ở doanh nghiệp thì giá nhập cần phải chi tiết giá mua và chi phí thu mua hàng hóa theo chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”, giá gốc hàng hóa ở các công ty được xác định trên cơ sở giá mua, các khoản thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Trong đó, ta cần phân biệt:

**Giá mua hàng hóa:** Là chỉ tiêu được dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của hàng hóa trong kho tính theo trị giá mua vào:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá mua hàng} & & \text{Giá mua của hàng} & & \text{Các khoản thuế không} \\ \text{hóa} & = & \text{thực nhập} & + & \text{hoàn lại} \end{array}$$

Trường hợp hàng hóa mua về cần phải gia công, sơ chế, phân loại để tăng thêm giá trị hoặc khả năng bán ra của hàng hóa thì chi phí này được tính vào giá mua hàng hóa

Trường hợp công ty được giảm các khoản chiết khấu thương mại do mua hàng với số lượng lớn hoặc được giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất thì những khoản này được trừ khỏi chỉ tiêu giá mua hàng hóa.

**Chi phí thu mua hàng hóa:** Là chỉ tiêu phản ánh chi phí phát sinh liên quan đến số hàng hóa đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí mua hàng hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng đã bán trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ (kể cả hàng tồn trong kho và hàng gửi đi bán, hàng gửi đại lý chưa bán được) Chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hóa như: Chi phí bảo hiểm hàng hóa, tiền thuê kho, thuê bến bãi; chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản đưa hàng hóa từ nơi mua về đến kho doanh nghiệp, các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa...

**Phân bổ chi phí thu mua hàng hóa.**

Về lý thuyết, toàn bộ chi phí thu mua hàng hóa phải được tính toán phân bổ cho hàng hóa đã bán và hàng tồn kho chưa bán được vào lúc cuối kỳ. Khi doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho bằng phương pháp kê khai thường xuyên thì hàng ngày khi xuất kho hàng hóa để bán kế toán sẽ tính toán và ghi chép vào các tài khoản có liên quan theo chỉ tiêu giá mua hàng hóa. Đến cuối kỳ trước khi xác định kết quả kinh doanh, kế toán phải phân bổ chi phí thu mua hàng hóa cho hàng đã bán trong kỳ và hàng hóa tồn kho cuối kỳ để tính giá vốn của hàng hóa đã bán và hàng hóa chưa bán trong kỳ.

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí thu mua hàng hóa tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi doanh nghiệp nhưng phải được thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán. Có thể vận dụng các phương pháp kế toán chi phí thu mua như sau:

**Phân bổ theo trị giá mua**

Phương pháp này có giá trị mang tính chính xác cao, thích hợp trong trường hợp hàng nhập có chênh lệch giá trị lớn, nhưng tính toán phức tạp trong trường hợp số lượng nhập xuất lớn

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thu mua phân bổ cho hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Chi phí thu mua phát sinh trong kỳ} \\
 \text{Chi phí thu mua phân bổ cho hàng xuất bán trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá mua hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá mua hàng nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá mua hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá mua hàng nhập trong kỳ}} * \text{Trị giá mua hàng xuất bán trong kỳ}
 \end{array}$$
  

$$\begin{array}{l}
 \text{CP thu mua phân bổ cho hàng hóa xuất bán trong kỳ} = \frac{\text{CP thu mua phân bổ cho hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{CP thu mua phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}} * \text{Số lượng hàng xuất bán trong kỳ}
 \end{array}$$

Phương pháp này tính toán dễ dàng nhưng cho kết quả mang tính chất tương đối vì chỉ phụ thuộc vào số lượng hàng nhập

**b) Tính giá hàng hóa xuất kho**

**\*) Tính giá hàng hóa xuất kho:**

Theo chuẩn mực kế toán hàng hóa, hàng hóa xuất kho được áp dụng một trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp tính theo giá đích danh
- + Phương pháp tính bình quân gia quyền (BQGQ)
- + Phương pháp tính nhập trước xuất trước (FIFO)
- + Phương pháp giá bán lẻ

**a) Phương pháp tính theo giá đích danh:**

+) Nội dung: Theo phương pháp này, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập của lô hàng đó để tính.

+) Ưu điểm: - Đơn giản và dễ tính toán

- Chi phí xuất bán phù hợp

- Phản ánh đúng giá trị của hàng tồn kho

+) Nhược điểm: Đòi hỏi nhiều công sức nên không phù hợp với doanh nghiệp kinh doanh nhiều mặt hàng.

+) Phạm vi áp dụng: doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng hoá có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng hoá nhận diện được.

**b) Phương pháp tính bình quân gia quyền:**

Nội dung: Theo phương pháp này, giá trị của hàng hóa xuất kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng hóa tồn đầu kỳ và giá trị từng loại mua. Giá trị trung bình có thể tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập hàng hóa về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

*Giá trị thực tế xuất kho = Số lượng xuất kho x đơn giá thực tế bình quân*

**Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ:**

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính giá trị vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng hóa căn cứ vào giá nhập, lượng hàng hóa đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

$$\begin{array}{rcl}
 \text{Đơn giá thực tế bình quân} & & \text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ} \\
 & \underline{\hspace{1cm}} & \\
 & = & \text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}
 \end{array}$$

+) **Ưu điểm:** Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính một lần vào cuối kỳ.

+) **Nhược điểm:** - Độ chính xác không cao, công tác kế toán dồn vào cuối kỳ làm ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hàng khác.

- Chưa đáp ứng kịp thời thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+) **Phạm vi áp dụng:** Có thể áp dụng được cho tất cả loại hình doanh nghiệp.

**Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập ( bình quân liên hoàn)**

Sau mỗi lần nhập hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân sau lần} \\ \text{nhập thứ } i \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

+) **Ưu điểm:** Khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên.

+) **Nhược điểm:** Tính toán phức tạp, nhiều lần mất nhiều công sức.

+) **Phạm vi áp dụng:** phương pháp này rất thích hợp cho những doanh nghiệp có ít chủng loại hàng hóa, có lưu lượng nhập xuất ít.

**c) Phương pháp tính nhập trước xuất trước (FIFO):**

+) **Nội dung:** hàng hóa nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Quy ước, hàng tồn đầu kỳ được coi là nhập lần đầu tiên trong kỳ.

+) **Ưu điểm:** Thích hợp trong điều kiện giá cả thị trường ổn định hoặc có xu hướng giảm, cho phép kế toán có thể định giá hàng hóa xuất kho kịp thời.

+) **Nhược điểm:** Khối lượng tính toán lớn làm cho doanh thu thời điểm hiện tại không phù hợp với chi phí hiện tại.

+) **Phạm vi áp dụng:** Có thể áp dụng với doanh nghiệp có số lần nhập – xuất ít, chủng loại hàng hóa ít, đơn giá hàng hóa lớn cần theo dõi chính xác đơn giá xuất của từng loại hàng hóa theo từng lần nhập.

#### **d) Phương pháp giá bán lẻ**

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự).

Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn. Khi bán hàng, các siêu thị không thể tính ngay giá vốn của hàng bán vì chủng loại và số lượng các mặt hàng bán ra hàng ngày rất nhiều, lượng khách hàng đông. Vì vậy, các siêu thị thường xây dựng một tỷ lệ lợi nhuận biên trên giá vốn hàng mua vào để xác định ra giá bán hàng hóa (tức là doanh thu). Sau đó, căn cứ doanh số bán ra và tỷ lệ lợi nhuận biên, siêu thị sẽ xác định giá vốn hàng đã bán và giá trị hàng còn tồn kho.

Ngành kinh doanh bán lẻ như hệ thống các siêu thị đang phát triển mạnh mẽ. Mặc dù Chuẩn mực Việt Nam chưa có quy định cách tính giá gốc hàng tồn kho theo phương pháp bán lẻ nhưng thực tế các siêu thị vẫn áp dụng vì các phương pháp khác đã quy định trong Chuẩn mực không phù hợp để tính giá trị hàng tồn kho và giá vốn hàng bán của siêu thị. Việc bổ sung quy định này là phù hợp với thực tiễn kinh doanh bán lẻ tại Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các thông tin về doanh số của siêu thị được xác định hàng ngày sẽ là căn cứ để xác định giá vốn và giá trị hàng tồn kho của siêu thị.

### **1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

#### **1.2.1 :Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

##### **1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song**

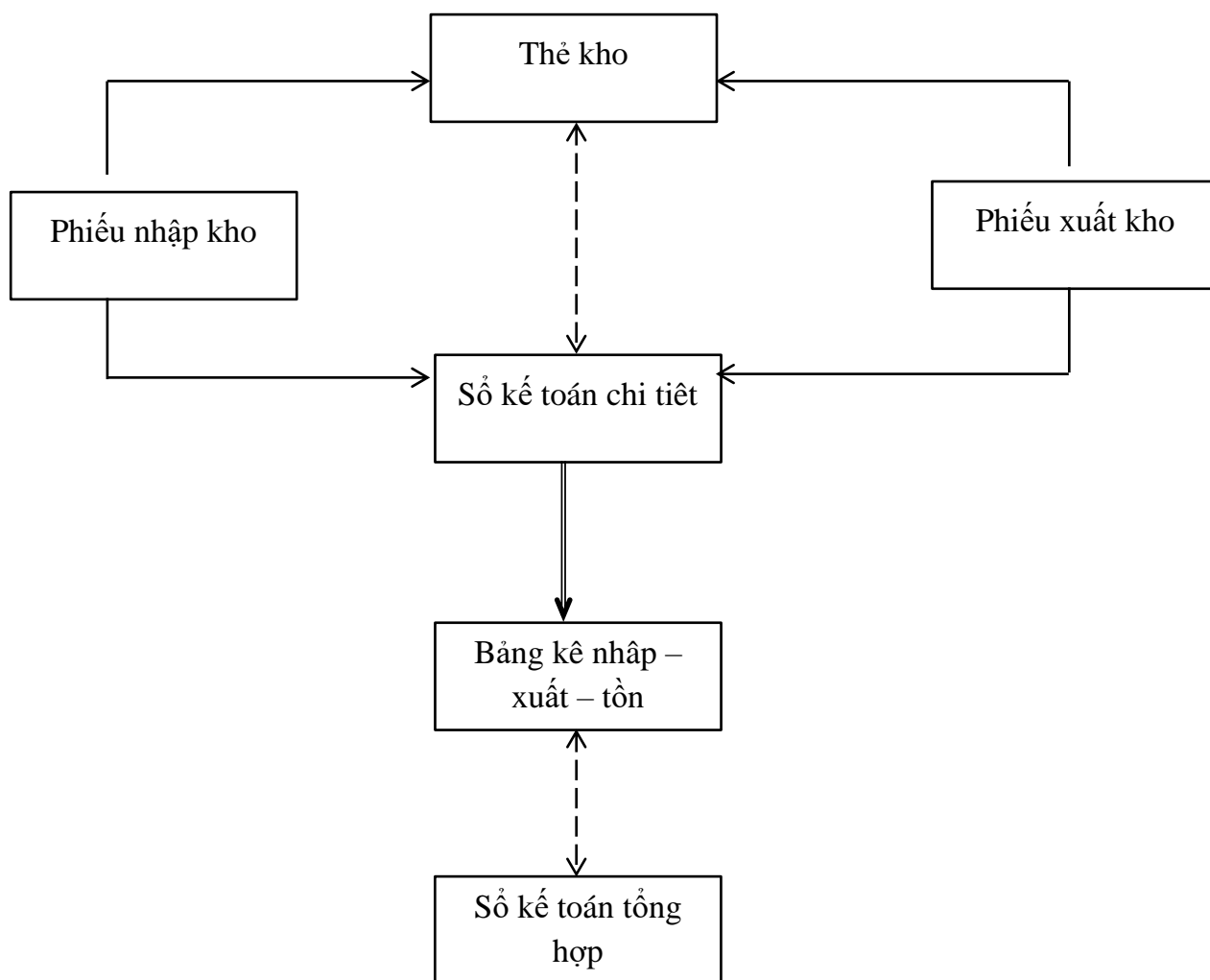
+ Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng danh điểm hàng hóa, ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Thẻ kho do kế toán lập rồi ghi vào sổ đăng ký thẻ kho trước khi giao cho thủ kho ghi chép. Thẻ kho được bảo quản trong hòm thẻ hay tủ nhiều

ngăn, trong đó các thẻ kho được sắp xếp theo loại, nhóm, thứ (mặt hàng) của hàng hoá đảm bảo dễ tìm kiếm khi sử dụng.

Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập, xuất vật tư, hàng hoá thực tế phát sinh, thủ kho thực hiện việc thu phát vật tư, hàng hoá và ghi số lượng thực tế nhập, xuất vào chứng từ nhập, xuất. Căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho thủ kho ghi số lượng nhập, xuất vật tư, hàng hoá vào thẻ kho của thứ vật tư, hàng hoá có liên quan. Mỗi chứng từ được ghi một dòng trên thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng hàng tồn kho để ghi vào cột “tồn” của thẻ kho. Cuối kỳ thủ kho căn cứ số liệu trên thẻ kho để đối chiếu với sổ chi tiết hàng hóa.

+ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập xuất kho cho từng thứ hàng hoá theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Định kỳ, nhân viên kế toán xuống kho nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, sau đó ký nhận vào phiếu giao nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ nhập, xuất của thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ rồi ghi vào sổ (thẻ) chi tiết hàng hóa. Mỗi chứng từ được ghi 1 dòng. Cuối tháng kế toán lập bảng kê nhập- xuất- tồn trên sổ kế toán tổng hợp, sau đó đối chiếu với thẻ kho, sổ kế toán tổng hợp và số liệu kiểm kê thực tế

Trình tự ghi sổ như sau



Ghi Chú

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$

Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng :  $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$

**Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ song song**

+) Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu, đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị hàng tồn kho.

+) Nhược điểm: Khối lượng ghi chép lớn (đặc biệt trường hợp doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá), ghi chép trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa kế toán và thủ kho.

+) Điều kiện áp dụng: Thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hoá, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không

thường xuyên, trình độ của nhân viên kế toán chưa cao.

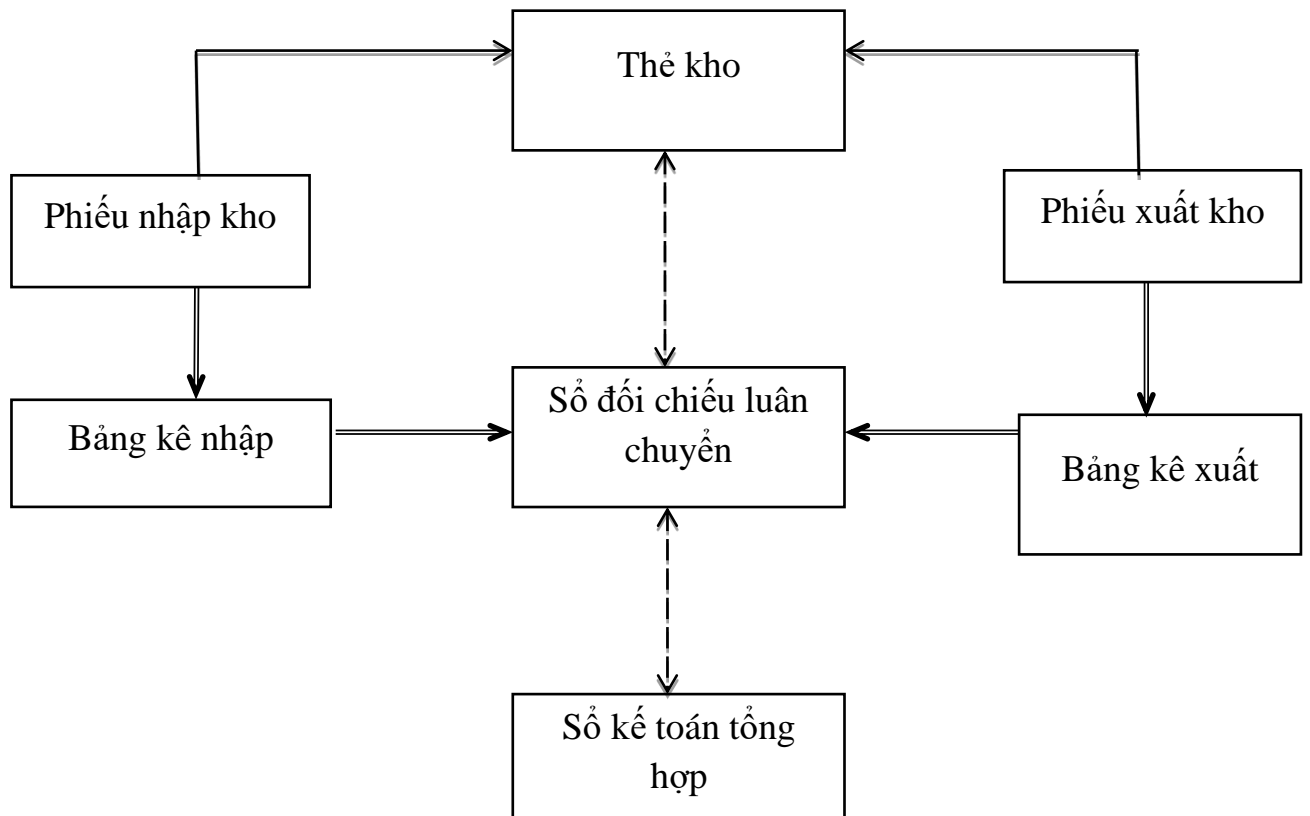
**1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:**

+ Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song.

+ Ở phòng kế toán : Định kỳ, sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho từ thủ kho, kế toán thực hiện kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó, thực hiện tập hợp các chứng từ nhập, xuất theo từng thứ vật tư, hàng hoá (có thể lập bảng kê nhập, bảng kê xuất vật tư, hàng hoá để thuận lợi cho việc theo dõi và ghi sổ đối chiếu luân chuyển cuối tháng ). Sổ đối chiếu luân chuyển được kế toán mở cho cả năm và được ghi vào cuối mỗi tháng. Sổ được dùng để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật tư, hàng hoá thuộc từng kho. Sổ theo dõi cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu thành tiền trong cả tháng của hàng nhập, xuất, tồn kho. Mỗi thứ vật tư, hàng hoá được ghi một dòng trên sổ. Sau khi hoàn thành việc ghi sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán thực hiện đối chiếu số liệu trên sổ này với số liệu trên thẻ kho và số liệu trên sổ kế toán tài chính liên quan ( nếu cần)



Trình tự ghi sổ như sau



Ghi Chú

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ══════════>

Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng : <----->

**Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển**

+)Ưu điểm: Với phương pháp này khối lượng ghi chép có giảm bớt so với phương pháp ghi thẻ song song.

+) Nhược điểm: Vẫn trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán.

– Nếu không lập bảng kê nhập, bảng kê xuất hàng hoá thì việc sắp xếp chứng từ nhập, xuất trong cả tháng để ghi sổ đối chiếu luân chuyển dễ phát sinh nhầm lẫn sai sót. Nếu lập bảng kê nhập, bảng kê xuất thì khối lượng ghi chép vẫn lớn.

– Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng, vì vậy hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán.

– Theo phương pháp này, để lập báo cáo nhanh hàng tồn kho cần phải dựa vào số liệu trên thẻ kho.

Theo yêu cầu cung cấp thông tin nhanh phục vụ quản trị hàng tồn kho thì các doanh nghiệp không nên sử dụng phương pháp này.

### **1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư:**

+ **Ở kho:** Ngoài việc sử dụng thẻ kho để ghi chép tương tự hai phương pháp trên, thủ kho còn sử dụng sổ số dư để ghi chép số tồn kho cuối tháng của từng thứ vật tư, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng (SL). Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho, mở theo năm. Cuối mỗi tháng sổ số dư được chuyển cho thủ kho để ghi số lượng hàng tồn kho trên cơ sở số liệu từ các thẻ kho. Trên sổ số dư hàng hoá được sắp xếp theo thứ, nhóm, loại. Mỗi nhóm có dòng cộng nhóm, mỗi loại có dòng cộng loại.

+ **Ở phòng kế toán:** Định kỳ nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập, xuất kho. Sau khi kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào từng thẻ kho và ký vào phiếu giao nhận chứng từ rồi mang chứng từ về phòng kế toán.

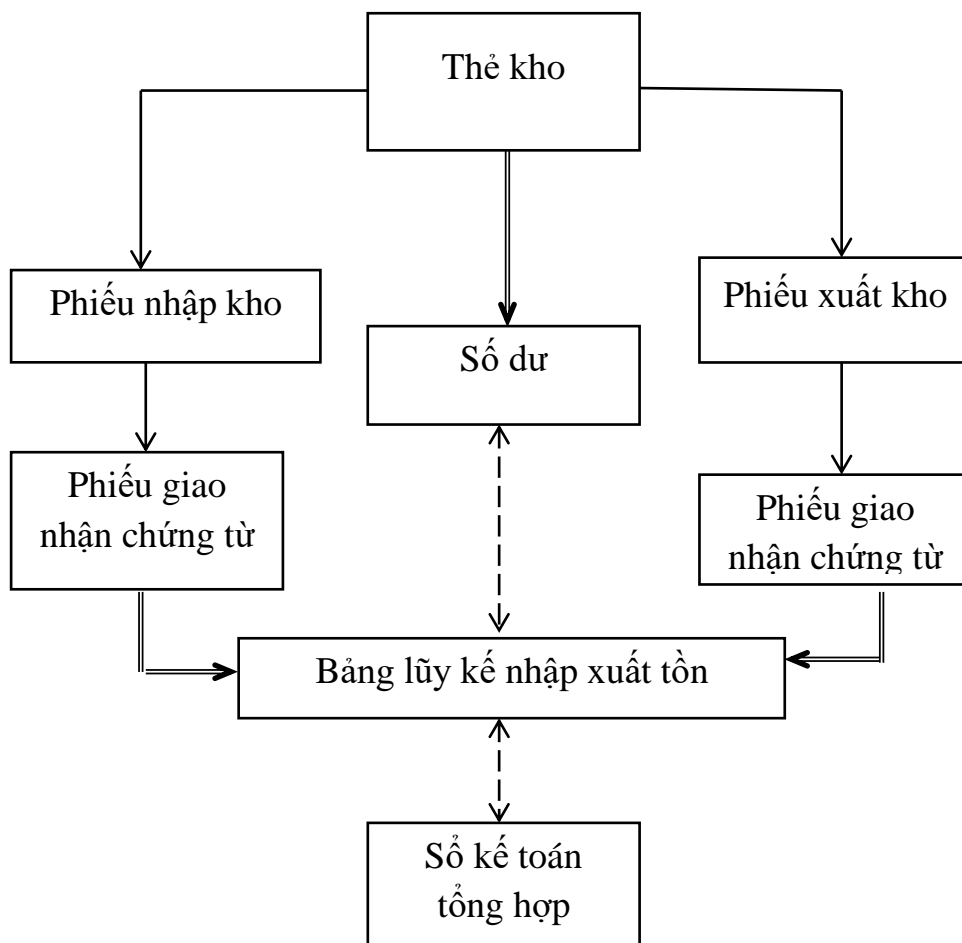
Tại phòng kế toán, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ và hoàn chỉnh chứng từ sau đó tổng hợp giá trị (giá hạch toán) của hàng hoá theo từng nhóm, loại hàng nhập, xuất để ghi vào cột “thành tiền” của phiếu giao nhận chứng từ. Số liệu thành tiền trên phiếu giao nhận chứng từ nhập (xuất) hàng hoá theo từng nhóm, loại

hàng được ghi vào bảng kê lũy kế nhập và bảng kê lũy kế xuất vật tư, hàng hoá.

Các bảng này mở theo từng kho hoặc nhiều kho (nếu các kho được chuyên môn hoá). Cuối tháng, cộng số liệu trên bảng lũy kế nhập, bảng lũy kế xuất hàng hoá để ghi vào các phần nhập, xuất trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn kho rồi tính ra số tồn kho cuối tháng của từng nhóm, loại hàng tồn kho và ghi vào cột “Tồn kho cuối tháng” của bảng kê này. Đồng thời, vào cuối tháng sau khi nhận được sổ số dư từ thủ kho chuyển lên, kế toán tính giá hạch toán của hàng tồn kho để ghi vào sổ số dư cột “thành tiền” (TT). Sau đó cộng theo nhóm, loại hàng hoá trên sổ số dư, số liệu này phải khớp với số liệu cột “tồn kho cuối tháng” của nhóm, loại vật tư, hàng hoá tương ứng trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn kho cùng kỳ.

Số liệu trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn kho còn được sử dụng để đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp liên quan

+ Trình tự ghi sổ như sau:



Ghi Chú

Ghi hàng ngày :



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :



Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng :



**Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi sổ số dư**

+) Ưu điểm:

- Giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi chỉ tiêu thành tiền của vật tư, hàng hoá theo nhóm và theo loại.
- Kế toán thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên đối với ghi chép của thủ kho trên thẻ kho và kiểm tra thường xuyên việc bảo quản hàng trong kho của thủ kho.
- Công việc dàn đều trong tháng, nên đảm bảo cung cấp kịp thời các số liệu cần thiết phục vụ cho quản trị hàng hoá.

+) Nhược điểm:

- Do ở phòng kế toán chỉ ghi chỉ tiêu thành tiền của nhóm và loại hàng

hoá vậy để có thông tin về tình hình nhập, xuất, hiện còn của thứ hàng nào đó phải căn cứ vào số liệu trên thẻkho.

– Khi cần lập báo cáo tuần kỳ về hàng hoá phải căn cứ trực tiếp vào số liệu trên các thẻkho.

– Khi kiểm tra đối chiếu số liệu, nếu phát hiện sự không khớp đúng giữa số liệu trên sổ số dư với số liệu tương ứng trên bảng kê nhập, xuất, tồn kho thì việc tìm kiếm tra cứu sẽ rất phức tạp.

+ Điều kiện áp dụng:

– Nên áp dụng trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại hàng hóa hay kinh doanh nhiều mặt hàng, tình hình nhập, xuất hàng hoá xảy ra thường xuyên.

– Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống đơn giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết hàng hoá và xây dựng được hệ thống danh điểm hàng hoá hợp lý. Nhân viên kế toán hàng tồn kho có trình độ cao, đồng thời thủ kho của doanh nghiệp vừa có khả năng chuyên môn tốt, vừa ý thức được đầy đủ trách nhiệm trong quản lý hàng hoá.

### **1.2.2: Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

#### **1.2.2.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

+) Phương pháp kê khai thường xuyên theo dõi và phản ánh thường xuyên liên tục có hệ thống tình hình Nhập - Xuất - Tồn kho hàng tồn kho trên sổ kế toán.

+) Với phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản hàng tồn kho (Loại 15...) được dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm của hàng hoá. Do vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định tại bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng hoá tồn kho, so sánh với số liệu hàng hoá tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số liệu tồn kho thực tế luôn luôn phù hợp với số liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải xác định nguyên nhân và xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Quá trình hoạt động giữa kế toán, thủ kho và phòng kinh doanh được diễn ra liên tục thông qua việc giao nhận các chứng từ.

+) **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 –VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 –VT)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu số 01GTK/001)

- Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hoá.
- Một số giấy tờ liên quan khác.

**+) Tài khoản sử dụng:**

**TÀI KHOẢN 156 - HÀNG HOÁ**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

**Bên Nợ :**

- Trị giá mua vào của hàng hoá theo hoá đơn mua hàng (Bao gồm các loại thuế không được hoàn lại);
- Chi phí thu mua hàng hoá;
- Trị giá của hàng hoá thuê ngoài gia công ( gồm giá mua vào và chi phí gia công )
- Trị giá hàng hoá đã bán bị người mua trả lại;
- Trị giá hàng hoá phát hiện thừa khi kiểm kê;
- Bất động sản mua vào

Trị giá hàng hoá bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư

**Bên có :**

- Trị giá hàng hóa xuất kho để bán, giao đại lý, giao cho đơn vị phụ thuộc, thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng chi sản xuất kinh doanh
- Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ
- Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng
- Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng
- Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán
- Trị giá hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ ( trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ )
- Trị giá hàng hóa bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc TSCĐ

**Số dư bên Nợ**

- Trị giá mua vào của hàng hóa tồn kho
  - o Chi phí thu mua của hàng hoá tồn kho.

**Tài khoản 156 - Hàng hoá, có 3 tài khoản cấp 2:**

*Tài khoản 1561 - Giá mua hàng hoá:* Phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của hàng hoá mua vào và đã nhập kho (Tính theo trị giá mua vào).

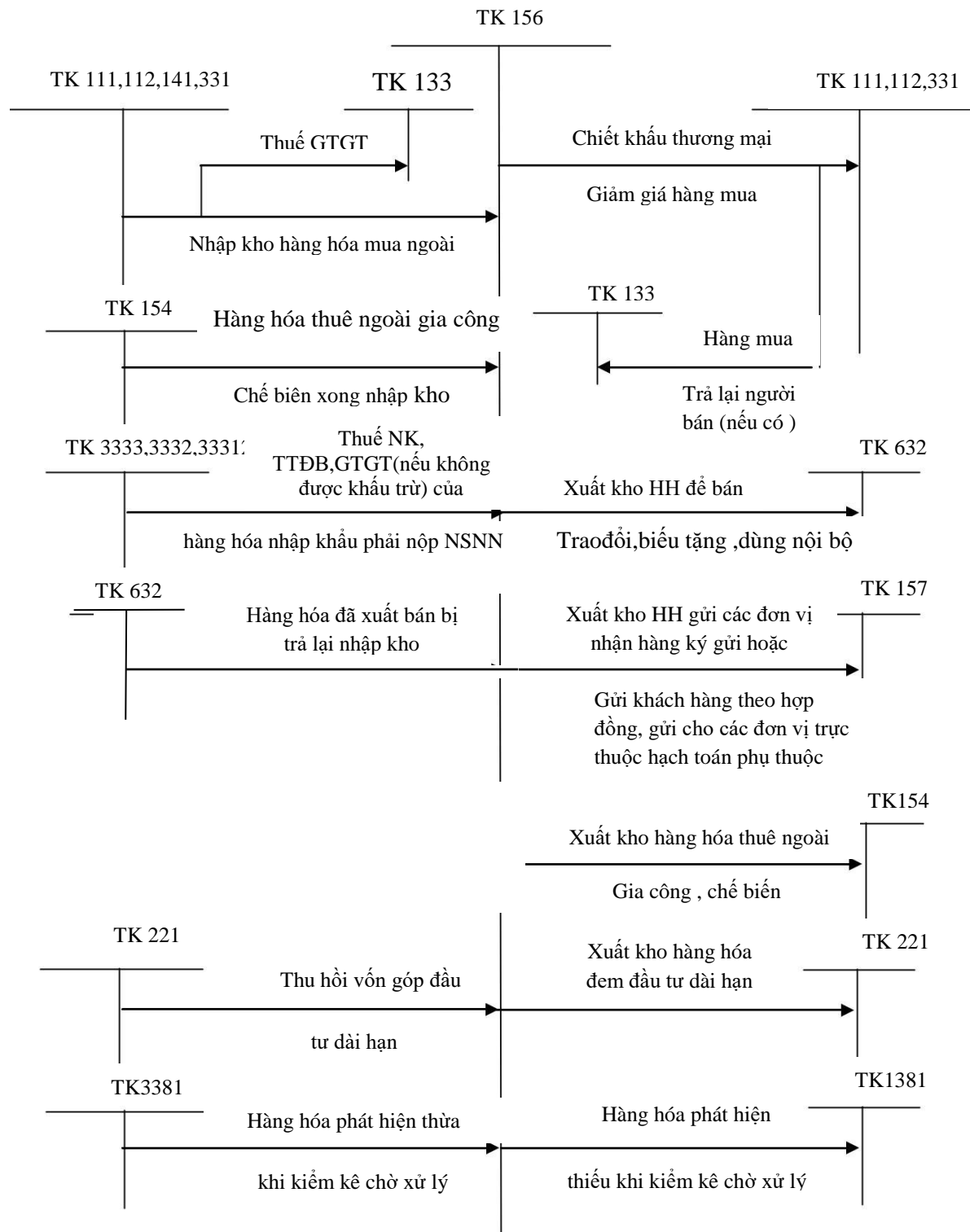
*Tài khoản 1562 - Chi phí thu mua hàng hoá:* Phản ánh chi phí thu mua hàng hoá phát sinh liên quan tới số hàng hoá đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí thu mua hàng hoá hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng hoá đã bán trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ (Kể cả tồn trong kho và hàng gửi đi bán, hàng gửi đại lý, ký gửi chưa bán được). Chi phí thu mua hàng hoá hạch toán vào tài khoản này chỉ bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hoá như: Chi phí bảo hiểm hàng hoá, tiền thuê kho, thuê bến bãi, . . . chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản đưa hàng hoá từ nơi mua về đến kho doanh nghiệp; các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức phát sinh trong quá trình thu mua hàng hoá.

- *Tài khoản 1567 - Hàng hoá bất động sản:* Phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hoá bất động sản của doanh nghiệp

**+) Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên**

**1.2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán và căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\begin{matrix} \text{Trị giá của} & & \text{Trị giá của} & & \text{Trị giá của} & & \text{Trị giá của} \\ \text{hàng hóa} & = & \text{hàng hóa tồn} & + & \text{hàng hóa} & - & \text{hàng hóa tồn} \\ \text{xuất trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{nhập trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{matrix}$$

Như vậy theo phương pháp này mọi biến động của vật tư, hàng hóa (nhập kho, xuất kho) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng hóa. Giá trị của vật tư, hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên Một tài khoản kế toán riêng (Tài khoản 611 “Mua hàng”).

- Tài khoản sử dụng:

❖ Tài khoản 611 “Mua hàng”.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật liệu, hàng hóa mua vào, xuất trong kỳ.

Kết cấu tài khoản:

**Bên nợ:**

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán trả lại...

**Bên có:**

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (Chưa được xác định là bán trong kỳ)

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

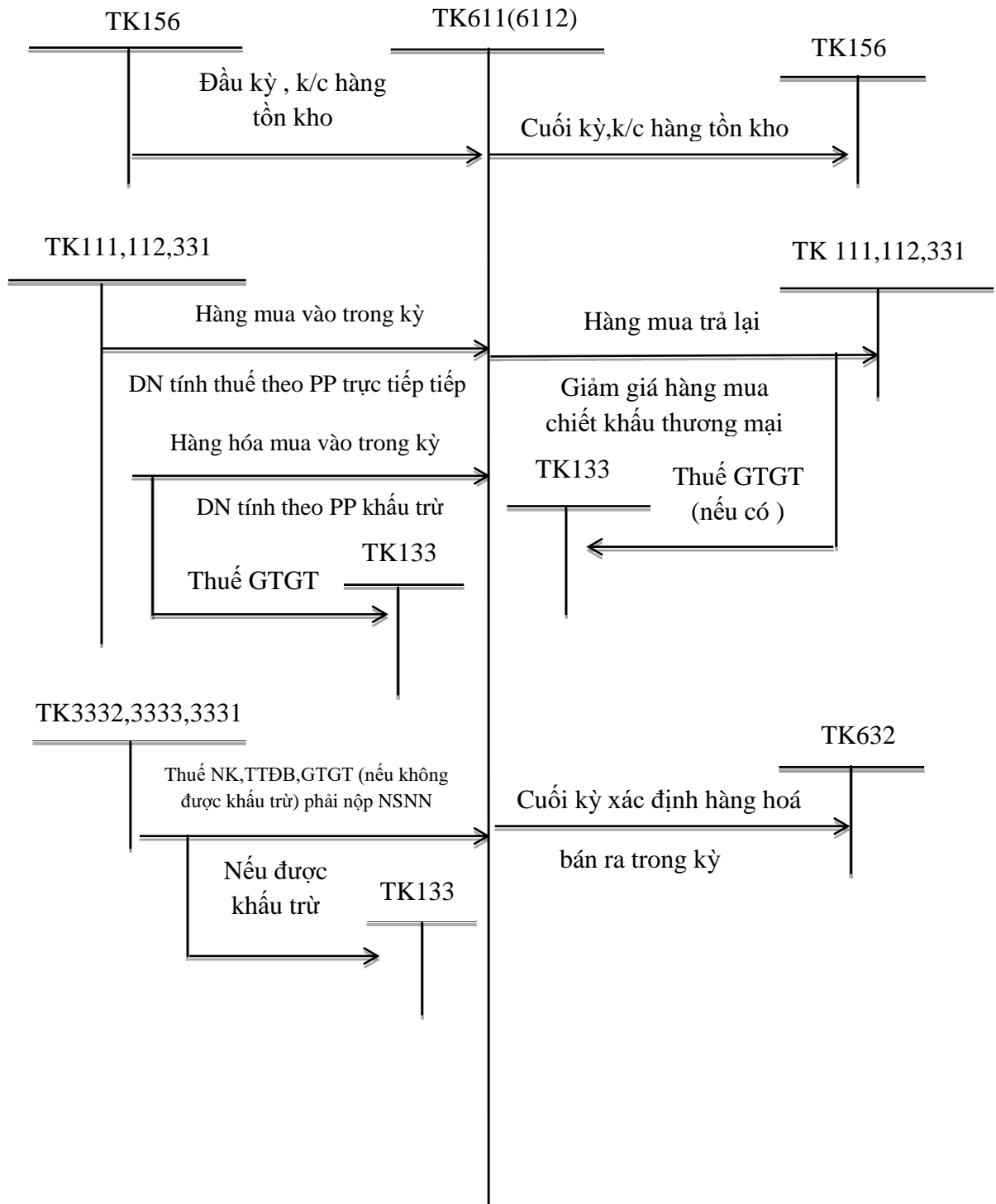
Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 611 được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2 là:

+ Tài khoản 6111 - Mua nguyên vật liệu, vật liệu

+ Tài khoản 6112 - Mua hàng hóa





Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ

### 1.3 Kế toán dự phòng giảm giá hàng hóa

+ Sự cần thiết phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc "thận trọng" của kế toán, các doanh nghiệp cần thực hiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Nội dung kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá là sự xác nhận về phương diện kế toán một khoản giảm giá trị tài sản do những nguyên nhân mà hậu quả của chúng không chắc chắn.

Theo quy định hiện hành của chế độ kế toán tài chính thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính nhằm ghi nhận bộ phận giá trị thực tế giảm sút so với giá gốc (giá thực tế của hàng tồn kho) nhưng chưa chắc chắn. Qua đó, phản ánh được giá trị thực hiện thuần túy của hàng tồn kho trên báo cáo tài chính.

- Dự phòng giảm giá được lập cho các loại nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, các loại vật tư, hàng hoá, thành phẩm tồn kho để bán mà giá trên thị trường thấp hơn thực tế đang ghi sổ kế toán. Những loại vật tư hàng hoá này là mặt hàng kinh doanh, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng cứ hợp lý, chứng minh giá vốn vật tư, hàng tồn kho. Công thức xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

*Mức dự phòng cần lập = Số lượng hàng tồn kho x Mức giảm giá của năm tới cho hàng tồn kho cuối niên độ hàng tồn kho*

Để phản ánh tình hình trích lập dự phòng và xử lý khoản tiền đã lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159. " Các khoản dự phòng".

\* Nội dung: Dùng để phản ánh toàn bộ giá trị dự tính bị giảm sút so với giá gốc của hàng tồn kho nhằm ghi nợ các tài khoản lỗ hay phí tổn có thể phát sinh nhưng chưa chắc chắn, tài khoản 159 mở cho từng loại hàng tồn kho, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khó đòi.

\* Kết cấu TK159.

- Bên nợ: Hoàn nhập số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

+ Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi

+ Hoàn nhập số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Bên có: Số trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

+ Số trích lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Dư có: Phản ánh số trích lập dự phòng hiện có.
- Tài khoản 159 – Các khoản dự phòng, có 3 tài khoản cấp 2 :
  - + Tài khoản 1591 – Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
  - + Tài khoản 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi
  - + Tài khoản 1593 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- \* Phương pháp kế toán vào tài khoản này như sau.
  - + Cuối niên độ, kế toán doanh nghiệp tính toán trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159(3): Số trích lập dự phòng

- + Cuối niên độ kế toán tiếp theo, so sánh dự phòng năm cũ còn lại với số dự phòng cần trích lập cho niên độ mới, nếu số dự phòng còn lại lớn hơn số dự phòng cần lập cho niên độ mới, kế toán tiến hành hoàn nhập số chênh lệch lớn hơn bằng cách ghi giảm giá vốn hàng tồn kho.

Nợ TK 159(3)( chi tiết từng loại)- hoàn nhập dự phòng còn lại Có TK 632: Giảm giá vốn hàng bán.

Ngược lại, nếu số dự phòng còn lại nhỏ hơn số dự phòng cần lập cho niên độ mới kế toán tiến hành trích lập số chênh lệch lớn hơn

Nợ TK 632: Ghi tăng giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ.

Có TK 1593: Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Có TK 632 giảm giá vốn hàng bán.

#### **1.4 : Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

Doanh nghiệp được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau:

- + Hình thức kế toán Nhật ký chung
- + Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- + Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- + Hình thức kế toán trên máy vi tính

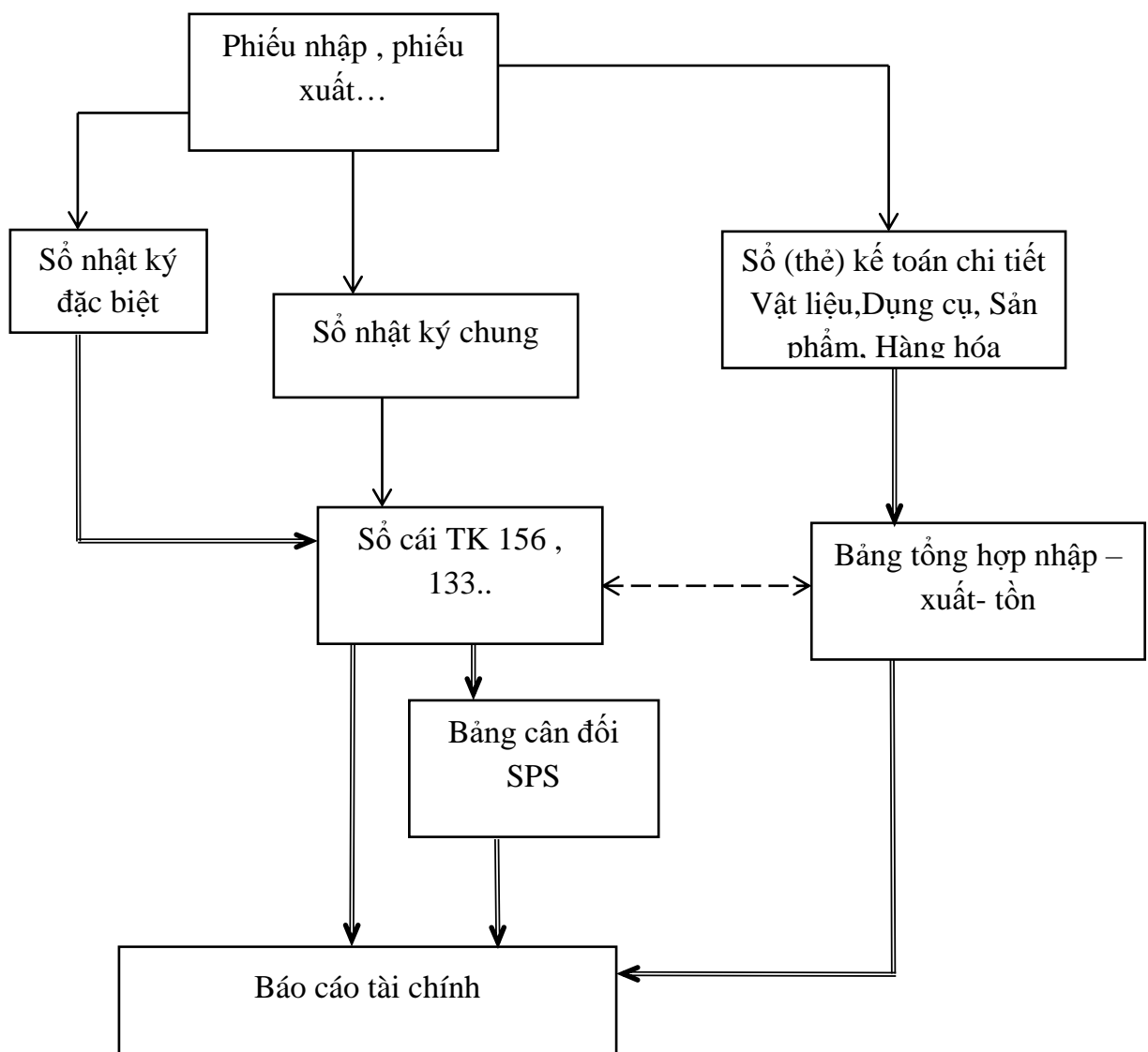
Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, mối quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự và phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

**1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung:**

+Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung :Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

+Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật kýchung
- SổCái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng : = = = = = >

Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng : < - - - - - >

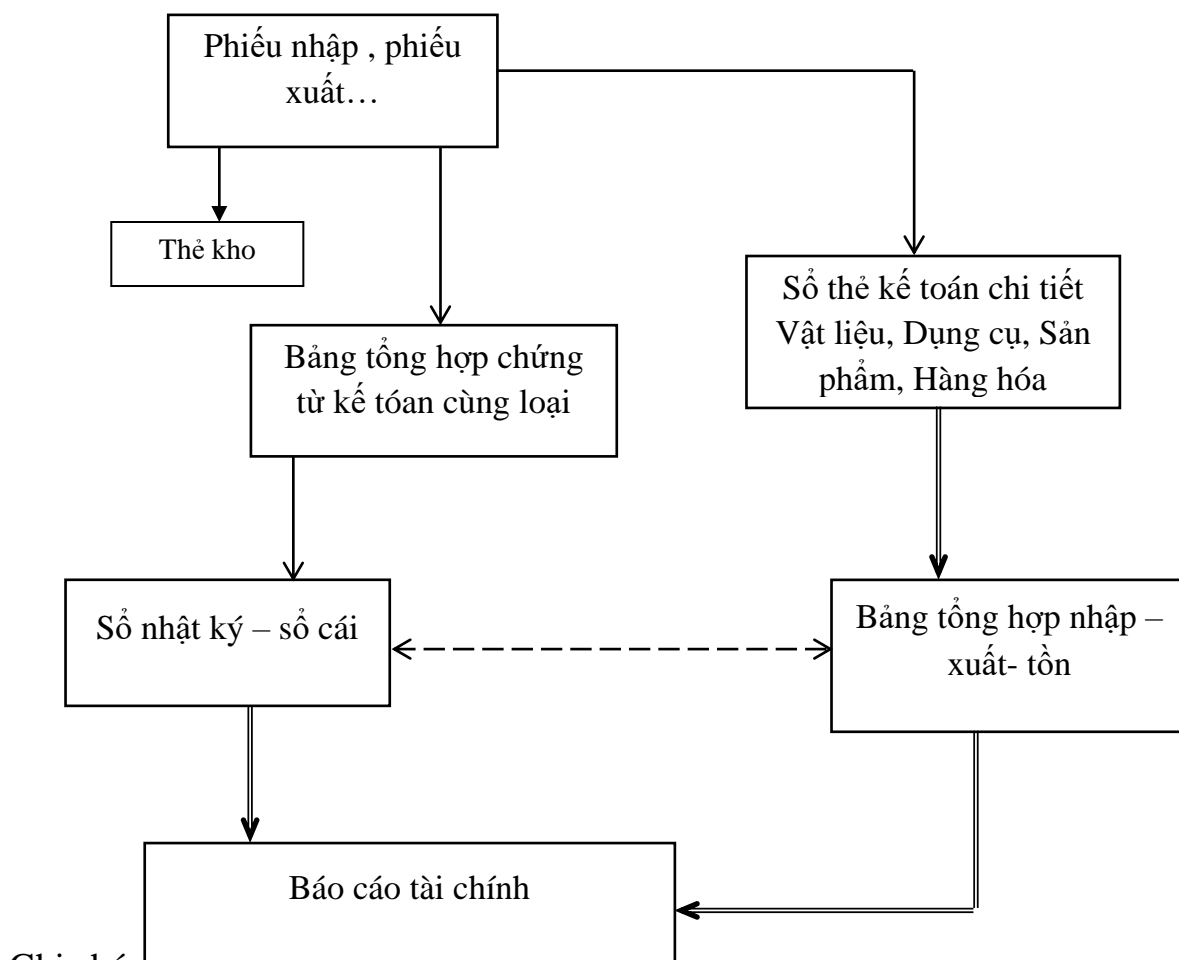
**Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung**

1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:

+Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

+Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Các thẻ , sổ kế toán chi tiết



Ghi chú

- Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng :  $\Longrightarrow$
- Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng :  $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$

Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật kí – sổ cái

### 1.4.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

+ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

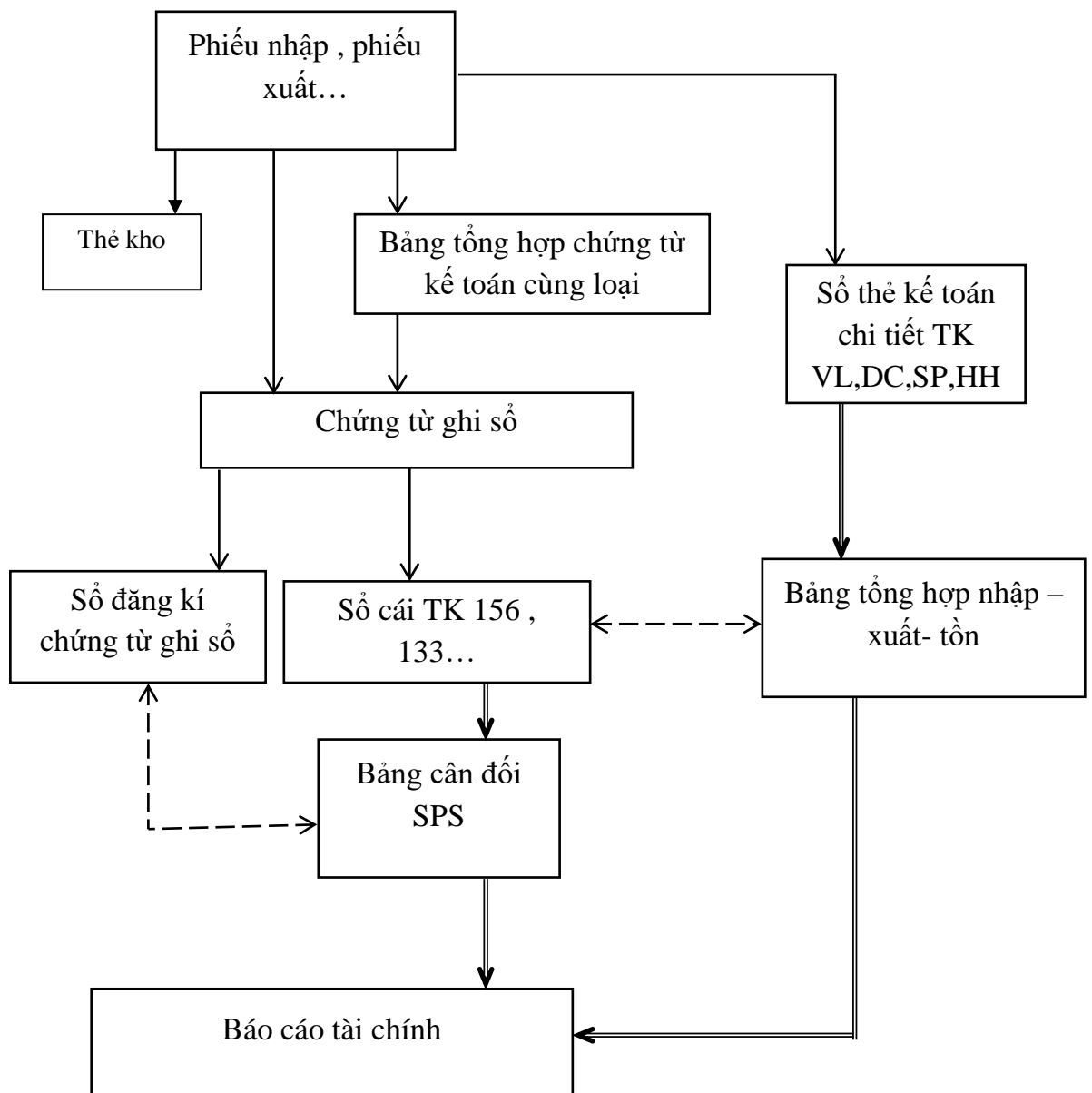
- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái.
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng : =========>

Đối chiếu hoặc kiểm tra cuối tháng : <----->

**Sơ đồ 1.8** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

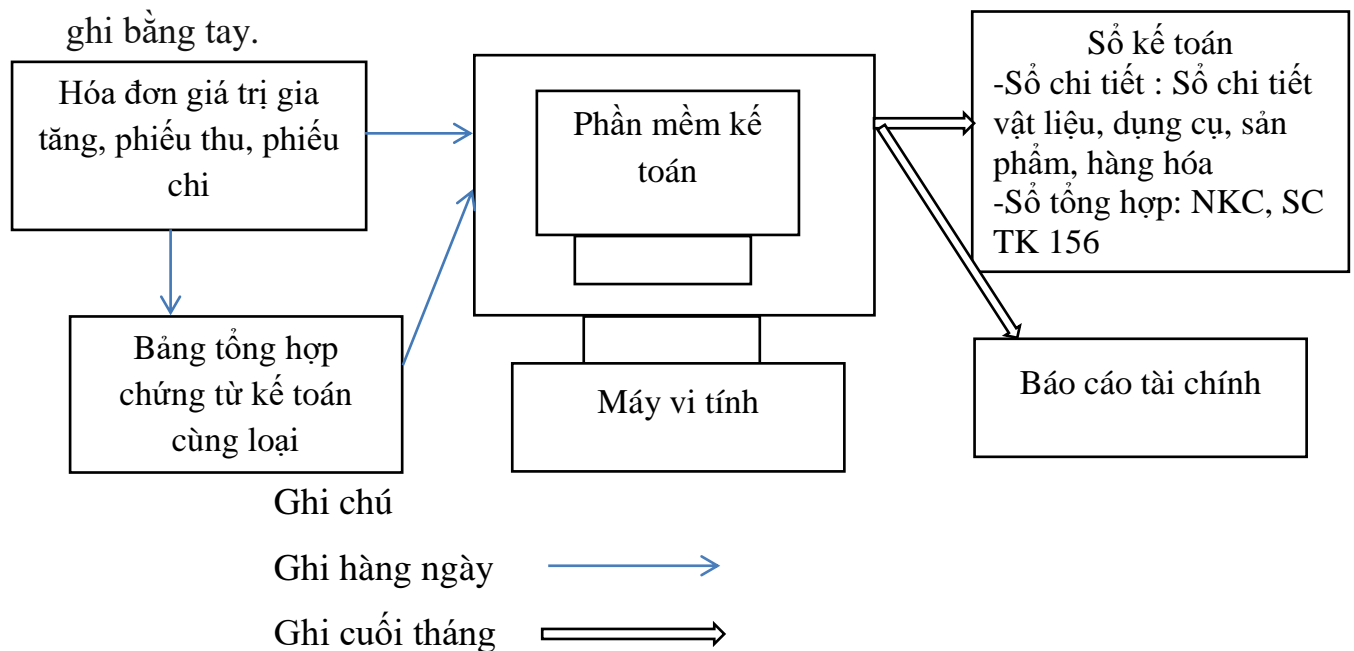
1.4.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính:

+ Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

+ Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.9 Trình tự kế toán theo hình thức kế toán máy

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết. Cuối kỳ, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính



**CHƯƠNG II**  
**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY**  
**TNHH MÁY TÍNH TÂN AN THỊNH VIỆT NAM**

**2.1 Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Máy tính Tân An Thịnh.**

Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh được thành lập vào ngày 28 tháng 01 năm 1997 với Mã số doanh nghiệp: 049228 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

- Tên đầy đủ: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÁY TÍNH TÂN AN THỊNH VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: **TAN AN THINH VIET NAM COMPUTER COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt: **TATVIETNAM.LTD**
- Trụ sở chính: Số 619 lô 22 Đông Khê, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0312.612278 - Hotline: 0912.894.001
- Fax: 0313.555298
- Email: [tananthinhvn@gmail.com](mailto:tananthinhvn@gmail.com)
- Mã số thuế: 0200.324.636
- Cơ sở pháp lý của doanh nghiệp:
  - Quyết định thành lập số: 049228
  - Công ty thành lập ngày 28 tháng 1 năm 1997
  - Vốn điều lệ công ty: 8.000.000.000 đồng

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có hai thành viên trở lên.

Danh sách thành viên góp vốn:

Tên thành viên	Đăng ký thường trú	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ
Nguyễn Thế Gôi	619 lô 22 Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng	4.500 trđ	56,25%
Trịnh Thị An Thịnh	619 lô 22 Đông Khê Ngô Quyền, Hải Phòng	1.500 trđ	18,75%
Nguyễn Trung Hải	619 lô 22 Đông Khê Ngô Quyền Hải Phòng	1.300 trđ	16,25%
Trịnh Thị Ngọc	271 Trần Nguyên Hãn Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng	500 trđ	6,25%
Nguyễn Thị Liên	Khu TT Quân Đội, Ngõ 11 Đông Khê Ngô Quyền, Hải Phòng	200 trđ	2,5%
<b>Tổng</b>		<b>8.000 trđ</b>	<b>100%</b>

Thay đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 7 năm 2014

Danh sách thành viên góp vốn:

<b>Tên thành viên</b>	<b>Đăng ký thường trú</b>	<b>Giá trị góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Nguyễn Thế Gôi	619 lô 22 Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng	15.000 trđ	50,00%
Trịnh Thị An Thịnh	619 lô 22 Đông Khê Ngô Quyền, Hải Phòng	6.000 trđ	20%
Nguyễn Trung Hải	619 lô 22 Đông Khê Ngô Quyền Hải Phòng	5.000 trđ	16,67%
Trịnh Thị Ngọc	271 Trần Nguyên Hãn Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng	3.000 trđ	10%
Nguyễn Thị Liên	Khu TT Quân Đội, Ngõ 11 Đông Khê Ngô Quyền, Hải Phòng	1.000 trđ	3.33%
<b>Tổng</b>		<b>8.000 trđ</b>	<b>100%</b>

### **2.1.1 Chức năng:**

Hoạt động của công ty căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động do Hội đồng thành viên phê duyệt, theo đó công ty hạch toán độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, hoạt động theo điều lệ chung của công ty TNHH 2 thành viên trở lên và luật doanh nghiệp.

### **2.1.2 Nhiệm vụ:**

Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm cho người lao động và nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của công ty để cạnh tranh với một số công ty khác cùng ngành. Tự chủ quản lý tài sản, quản lý tài chính và chính sách quản lý người lao động theo pháp luật, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, đảm bảo công bằng xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, không ngừng bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật cho người lao động. Thực hiện tốt công tác bảo hộ an toàn lao động bảo vệ sản xuất và bảo vệ môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

### **2.1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của công ty:

Ngành nghề hiện tại: kinh doanh cao su, thương mại và dịch vụ.

Ngoài ra công ty còn đăng ký một số ngành nghề khác trong đăng ký kinh doanh của mình:

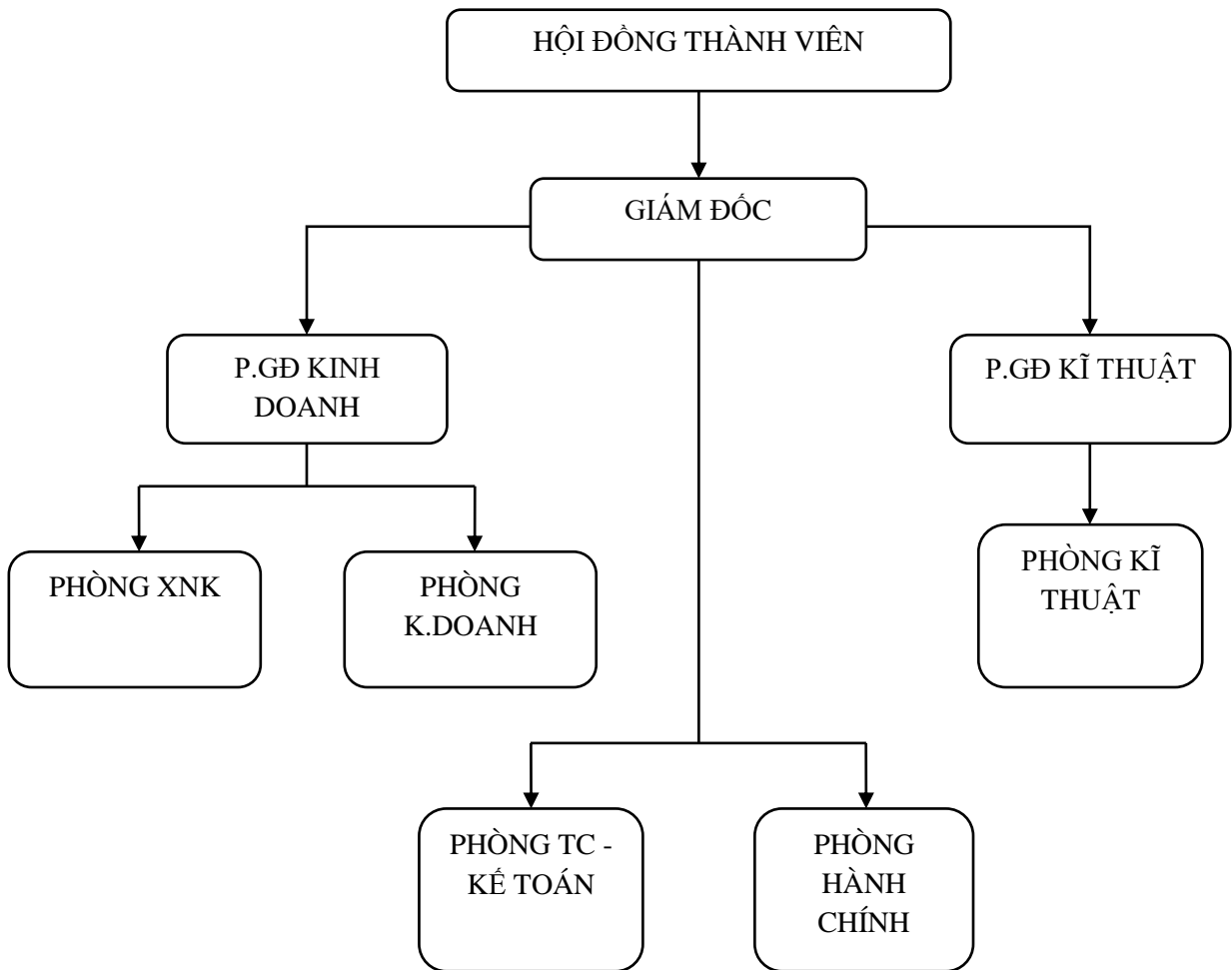
- Buôn bán hàng tư liệu sản xuất.
- Kinh doanh máy móc – thiết bị văn phòng, điện tử, viễn thông.
- Khai thác và kinh doanh khoáng sản.
- Kinh doanh, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao.
- Kinh doanh linh kiện máy tính.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và dịch vụ du lịch khác.
- Vận tải hàng hoá đường bộ và du lịch vận tải.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi và san lấp mặt bằng. Hoàn thiện, trang trí nội - ngoại thất công trình. Lắp đặt điện nước.
- Tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình).

## **2.2 Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, nhiệm vụ chức năng của từng bộ phận.**

### **2.2.1 Cơ cấu:**

Bộ máy quản lý của công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam được tổ chức theo hình thức trực tuyến - chức năng. Đó là sự điều hành có kế hoạch, các mối quan hệ qua lại giữa các chủ thể quản lý với từng đối tượng quản lý nhằm phát huy thế mạnh tổng hợp của công ty nhưng không tách rời với nguyên tắc chính sách chế độ qui định của nhà nước

2.2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty:



Sơ đồ 2.1 tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh

2.2.3 Chức năng, nhiệm vụ:

- **Giám đốc:** Là người lãnh đạo cao nhất của công ty điều hành mọi hoạt động của công ty, là đại diện pháp nhân của công ty, tham gia quan hệ giao dịch, ký hợp đồng với đối tác. Đồng thời, chịu mọi trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- **Phó giám đốc kinh doanh:** Chịu trách nhiệm theo dõi tình hình kinh doanh, mua bán của công ty.
- **Phó giám đốc kỹ thuật:** Chịu trách nhiệm theo dõi tình hình sản xuất, kỹ thuật, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quy định
- **Phòng Tài chính - Kế toán:** Là phòng chức năng giúp Giám đốc tổ chức, thực hiện và kiểm soát mọi hoạt động thuộc lĩnh vực Tài chính – Kế toán của công ty theo pháp luật và chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành của nhà nước .

- **Phòng Hành chính:**Đảm bảo cho các bộ phận, cá nhân trong Công ty thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ đạt hiệu quả trong công việc. Các bộ phận thực hiện đúng nhiệm vụ tránh chông chéo, đổ lỗi. Đảm bảo tuyển dụng và xây dựng đội ngũ CBCNV theo yêu cầu, chiến lược của Công ty.

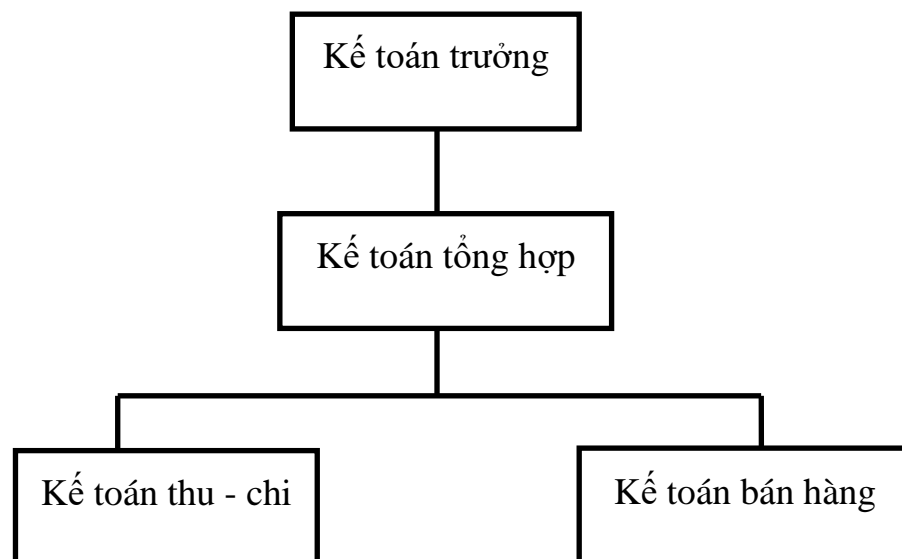
- **Phòng Xuất nhập khẩu:** Tìm hiểu thị trường trong và ngoài nước để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện phương án kinh doanh xuất - nhập khẩu. Giúp Giám đốc chuẩn bị các thủ tục hợp đồng, thanh toán quốc tế và các hoạt động ngoại thương khác.

- **Phòng kinh doanh:** Tham mưu cho Giám đốc về các hoạt động kinh doanh của công ty và trực tiếp tổ chức kinh doanh trên thị trường để thực hiện kế hoạch của công ty. Thực hiện các Hợp đồng kinh tế. Phối hợp với Phòng Xuất nhập khẩu khai thác các nguồn hàng khác để kinh doanh nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- **Phòng kĩ thuật:** Nghiên cứu ứng dụng những tiến bộ KHKT để phục vụ sản xuất. Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; Xây dựng các quy trình sản xuất, chế biến và các quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm; Hướng dẫn, kiểm tra nhân viên trong sản xuất để đảm bảo chất lượng sản phẩm đúng quy định, quy trình đề ra.

### 2.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh

#### 2.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam



Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam

- **Kế toán trưởng :** Xây dựng tổ chức , quản lý hệ thống bộ máy kế toán . Kiểm tra giám sát việc thực hiện các công việc liên quan đến kế toán trong DN

- Kế toán thu – chi : Theo dõi kiểm soát các hoạt động tăng giảm tiền và kiểm soát tồn tiền tại quỹ tiền mặt và tại ngân hàng. Lập báo cáo thu chi gửi giám đốc
- Kế toán bán hàng : lập hóa đơn bán hàng theo dõi tổng hợp số lượng bán hàng để lập báo cáo về tình hình bán hàng . Tình hình tang giảm của HH theo yêu cầu quản lý của DN
- Kế toán tổng hợp : hướng dẫn và giám sát việc thực hiện của các kế toán thành viên . Tổng hợp số liệu báo cáo của những kế toán phân hành mục đích để ghi sổ sách , làm báo cáo tổng hợp cuối kỳ

### **2.3.2. Các chính sách phương pháp kế toán áp dụng tại công ty**

Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty theo quyết định số 48/2006/ QĐ-BTC của Bộ trưởng BTC về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty TNHH.

Chế độ kế toán được áp dụng tại Công ty như sau:

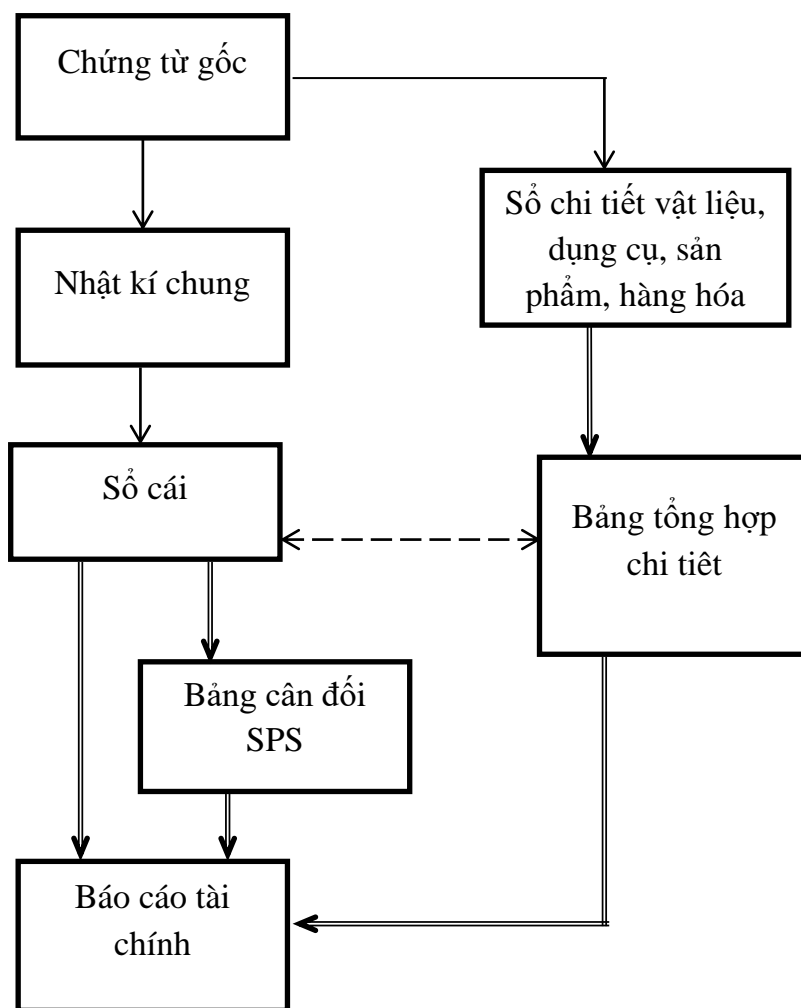
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Niên độ kế toán : Bắt đầu từ 1/1 kết thúc 31/12 hằng năm.
- Kỳ báo cáo tài chính : 1 năm.
- Đơn vị sử dụng trong ghi chép kế toán :Đồng Việt Nam.
- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi từ các đồng tiền khác : thu chi ngoại tệ hạch toán theo tỷ giá thực tế của ngân hàng công bố.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Bình quân liên hoàn

### **2.3.3 .Tổ chức hệ thống chứng từ tài khoản tại công ty**

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số48/2006/QĐ/BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

### **2.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán**

- Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ của Nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy Công ty sử dụng hệ thống sổ sách của hình thức “ Nhật ký chung”.



Ghi chú :

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghicuối tháng :  $\Longrightarrow$

Đối chiếu , kiểm tra :  $\langle \text{---} \rangle$

### Sơ đồ 2.3 Trình tự kế toán tại Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh

#### Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc phát sinh thực tế dùng để làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập số liệu vào máy tính theo trình tự được lập sẵn trên máy. Các số liệu được xử lý thông qua phần mềm đã được cài sẵn trên máy phân tách và đưa vào sổ cái, sổ chi tiết liên quan đến các tài khoản .

Khi đến cuối kỳ, kế toán thực hiện các bước khóa sổ và lập báo cáo tài chính tự máy sẽ tổng hợp lên các báo cáo. Số liệu tại các sổ tổng hợp, chi tiết hay trên các báo cáo đều đảm bảo chính sách, trung thực theo thông tin đã nhập vào.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

### **2.3.5 Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán**

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu: B01 – DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu: B02 – DNN)
- Bảng lưu chuyển tiền tệ (Mẫu: B03 – DNN)
- Bảng cân đối số phát sinh (Mẫu: F01 – DNN)
- Thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu: B09 – DNN)

Các Báo cáo quản trị của công ty.

## **2.4 Thực trạng tổ chức kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh**

### **2.4.1 Đặc điểm hàng hóa tại Công ty**

Hàng hóa chủ yếu mà công ty Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh kinh doanh là sắt thép xây dựng bao gồm:

Cao Su SVR 3L

Máy tính để bàn HP Pro 3330 - QT035AV

.....

### **2.4.2 Kế toán chi tiết hàng hóa**

#### **2.4.2.1 Thủ tục nhập xuất kho hàng hóa**

- Thủ tục nhập kho

Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, lượng hàng dự trữ trong kho và đơn đặt hàng của các khách hàng, phòng kinh doanh sẽ lập kế hoạch mua hàng. Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, phòng kinh doanh trình kế hoạch mua hàng lên Giám đốc xét duyệt. Nhân viên phòng kinh doanh đi mua hàng, có trách nhiệm nhận hàng đầy đủ và mang hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận hàng hóa về công ty. Hàng hóa được vận chuyển về kho của công ty (công ty tự vận chuyển hoặc thuê ngoài).

Tại kho, thủ kho cùng kế toán kho kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa và tiến hành nhập kho. Sau khi kiểm tra về tính hợp lý, hợp pháp của hóa đơn GTGT của hàng mua về, kế toán kho lập phiếu nhập kho bằng excel hoặc viết tay và in Phiếu nhập kho hàng hóa. Phiếu nhập kho được lập thành 2 liên, 1 liên chuyển cho thủ kho và 1 liên phòng kế toán giữ.



Từ đó kế toán đưa nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung , sổ cái 156 , sổ chi tiết TK 156 , Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa

Cách tính giá hàng hóa nhập kho:

Giá thực tế hàng hóa nhập kho = Giá ghi trên hóa đơn + Chi phí vận chuyển - Các khoản giảm trừ

Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ . Tại công ty chi phí vận chuyển bốc xếp do bên bán chịu thì giá thực tế nhập kho chính là giá mua ghi trên hóa đơn

**-Thủ tục xuất kho**

Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh là công ty thương mại, nên mọi hàng hóa xuất kho đều phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán.

Khi có khách mua hàng, phòng kinh doanh nhận đơn hàng và chuyển cho kế toán kho.Kế toán kho kiểm tra xem hàng hóa có đủ không và tiến hành lập Phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho do thủ kho lập được lập thành 2 liên:

- Liên1:Lưu tại công thủ kho giữ sử dụng để ghi thẻ kho
- Liên2: Lưu tại phòng kế toán

Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để tiến hành xuất kho hàng hoá. Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho lập hoá đơn GTGT ( Giám đốc ký duyệt) và lập biên bản giao nhận hànghoá.

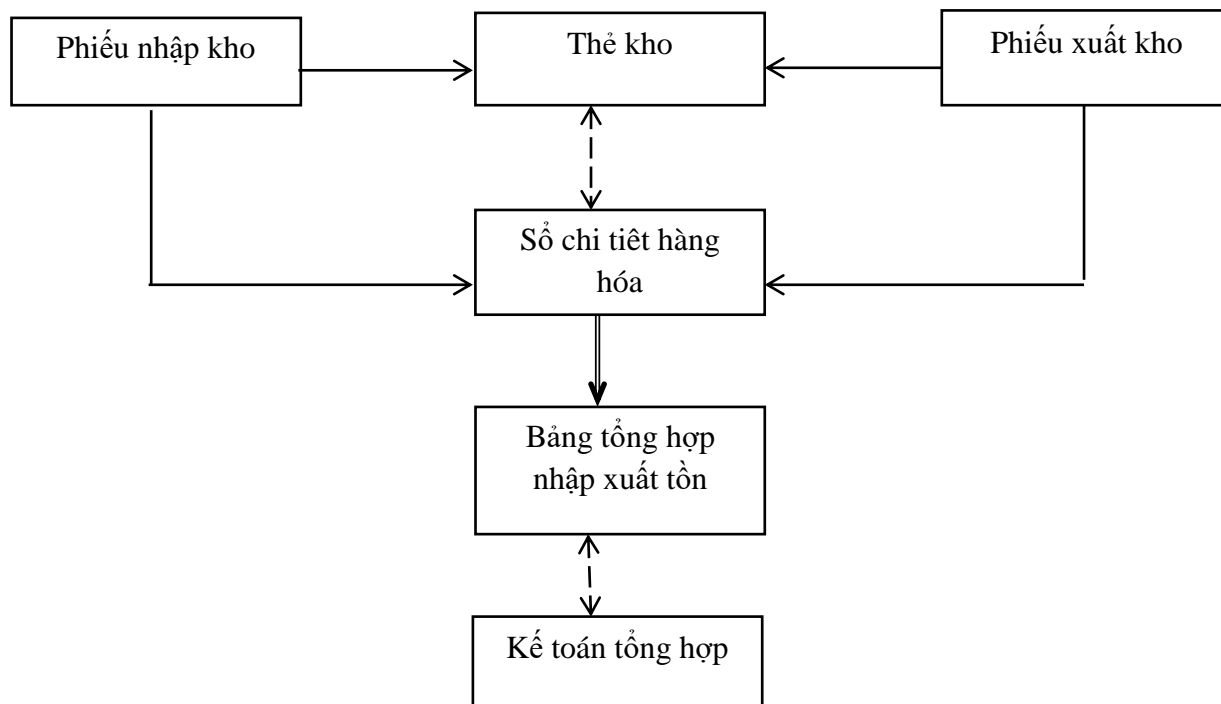
**\* Cách tính giá hàng xuất kho**

Công ty đã áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn để tính giá hàng hoá xuất kho.

**-Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song**

Là công ty thương mại chuyên kinh doanh về vật liệu xây dựng nên công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh luôn theo dõi kỹ càng tình hình biến động của hàng hóa trong ngành xây dựng.

Công ty đã sử dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết hàng tồn kho



Ghi chú :

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối kỳ : =————=>

Đối chiếu , kiểm tra : <----->

### Sơ đồ 2.4 quá trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song

Do đó việc hạch toán chi tiết hàng tồn kho được tiến hành đồng thời tại 2 bộ phận: kế toán và tại kho.

#### - Tại kho:

Thủ kho theo dõi số lượng nhập xuất trên thẻ kho đồng thời nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại, từng thứ, loại hàng hóa sẵn sàng xuất bán khi có yêu cầu. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất phát sinh thủ kho tiến hành phân loại, sắp xếp cho từng thứ, từng loại hàng hóa để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn của từng loại hàng hóa vào sổ kho chi tiết từng loại theo số lượng. Cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng hàng hóa tồn kho thực tế so với số liệu trên thẻ kho.

#### - Tại phòng kế toán:

Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết cho từng loại hàng hóa tương ứng với thẻ kho mở ở kho.

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập kho hàng hóa do thủ kho nộp,

kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ.

Đối với chứng từ xuất: khi nhận được phiếu xuất, kế toán vào sổ chi tiết được thiết kế trên excel nguyên về số lượng để theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn hàng hóa về lượng.

Căn cứ vào sổ chi tiết lập bảng nhập – xuất – tồn hàng hóa. Căn cứ vào bảng nhập – xuất – tồn hàng hóa, kế toán đối chiếu số liệu với sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái TK 156)

**VD 1 :**

Hóa đơn số 0000041 , ngày 25/4/2015 , mua 200 tấn Cao su SVR3L Đơn giá chưa thuế 30.000.000 đ của tập đoàn cao su Việt Nam . Chưa thanh toán . VAT 5% . Tổng giá thực tế nhập kho :  $200 \times 30.000.000 = 6.000.000.000$

Kế toán định khoản

Nợ TK 156 : 6.000.000.000 đ

Nợ TK 133 : 300.000.000 đ

Có TK 331 : 6.300.000.000 đ

Từ HĐGTGT 41 ( Biểu 2.1) và Phiếu nhập kho 493 ( Biểu 2.2 ) Biên bản giao nhận ( Biểu 2.3 ) thủ kho vào thẻ kho ( Biểu 2.11 ) kế toán ghi vào Sổ chi tiết VL , DC, SP, HH (Biểu 2.13 ) Cuối tháng lập Bảng tổng hợp nhật xuất tồn ( Biểu 2.15 )

**VD 2 :**

Ngày 5 tháng 5 năm 2015 xuất bán 200 tấn cao SVR 3L cho công ty cổ phần HALICO Việt Nam số tiền chưa thuế là 6.448.000.000 , thuế GTGT 5% . Chưa thu tiền . HĐ GTGT 0000193

Cách xác định đơn giá cao su SVR 3L xuất kho như sau ( Quý II năm 2015 )

Số lượng hàng tồn đầu kì là 212,5 tấn (1/4/2015). Đơn giá là 29.150.712 đ

Trị giá cao su tồn đầu kì là  $6.194.526.300 \text{ đ} = 212,5 * 29.150.712$

Ngày 25/4 mua 200 tấn đơn giá chưa thuế 30.000.000.

Trị giá nhập =  $200 * 30.000.000 = 6.000.000.000$

Ngày 5/5 xuất bán 200 tấn :

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân Cao su SVR 3L xuất ngày 5/5} &= \frac{6.194.526.300 + 6.000.000.000}{212,5 + 200} \\ &= 29.562.488 \text{ đ/ tấn} \end{aligned}$$

Trị giá xuất 200 tấn cao su ngày 5/5 =  $29.562.488 * 200 = 5.912.497.600 \text{ đ}$

Trá trị tồn sau lần xuất ngày 5/5 =  $6.194.526.300 + 6.000.000.000 - 5.912.497.600 = 6.282.028.700 \text{ đ}$

Kế toán định khoản

Giá vốn

Nợ TK 632 : 5.912.497.600

Có TK 156 : 5.912.497.600

Giá bán :

Nợ TK 131 : 6.770.400.000

Có TK 3331 : 322.400.000

Có TK 511 : 6.448.000.000

Từ Phiếu xuất kho 504 ( Biểu 2.5) Hóa đơn GTGT 193 ( Biểu 2.4 ) thủ kho vào thẻ kho ( Biểu 2.11 ) kế toán ghi vào Sổ chi tiết VL , DC, SP, HH (Biểu 2.13 ) Cuối tháng lập Bảng tổng hợp nhật xuất tồn ( Biểu 2.15 )

**Biểu 2.1 HDGTGT 000041**

**Biểu 2.2 Phiếu nhập kho 493**

**Đơn vị :** Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh  
**Địa chỉ :** Số 619 Đông Khê Ngô Quyền Hải Phòng

Mẫu Số S02-VT  
 Ban hành theo quyết định số 48 /2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính )

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 25 tháng 04 năm 2015      Nợ TK 156  
 Số : PN493      Có TK 331

Họ và tên người giao hàng: Kiều Văn Dũng  
 Địa chỉ : Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam  
 Theo HD 0000041 ngày 25/04/2015  
 Nhập tại kho: Công ty

T T	Tên nhãn hiệu, phẩm chất, quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Cao su SVR 3L	SVR 3L	Tán	200	200	30.000.000	6.000.000.000
2	/						
3	/						
	<b>Cộng</b>						6.000.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Sáu tỉ đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo :HD 000041      Nhập, ngày 25 tháng 04 năm 2015

**Người lập phiếu      Người giao hàng      Thủ kho Kế toán trưởng      Thủ trưởng đơn vị**

**Biểu 2.3 Biên bản giao nhận cao su**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----&&&-----

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG**

Hôm nay , ngày 25 tháng 4 năm 2015 tại kho Lào Cai chúng tôi gồm có

**BÊN A(Bên nhận hàng): CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH TÂN AN THỊNH VIỆT NAM**

Địa chỉ : Số 619 lô 22 Đông Khê , P.Ngô Quyền, Q. Ngô Quyền , Tp.Hải Phòng

Người đại diện : Kiều Văn Dũng

Chức vụ : Nhân viên

**BÊN B (Bên giao hàng) : TẬP ĐOÀN ÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

Địa chỉ : Số 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 06, Quận 03, Tp.Hồ Chí Minh

Người đại diện : Võ Hoàng An

Chức vụ : Nhân viên

Hai bên Thống nhất biên bản nhận cao su số lượng như sau :

Tên loại hàng	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Đúng quy cách	Không đúng quy cách
Cao su tự nhiên	SVR3L	Tấn	200	x	
<b>Tổng cộng :200 tấn cao su SVR 3L</b>					

Biên bản này , đã được hai bên đối chiếu xem xét lại và được lập thành 2 (hai) bản , mỗi bên giữ 1(một ) bản có giá trị pháp lý như nhau

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Biểu 2.4 HD GTGT 0000193**

**Biểu 2.5 Phiếu xuất kho 504**

**Đơn vị :** Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh  
**Địa chỉ :** Số 619 Đông Khê Ngõ Quyền Hải Phòng

**Mẫu Số** S02-VT  
 Ban hành theo quyết định số 48 /2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính )

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 05 tháng 05 năm 2015      Nợ TK 632  
 Số : PX504      Có TK 156

Họ và tên người nhận hàng: Lưu Văn Bình  
 Địa chỉ : Phòng Kinh doanh  
 Lý do : Xuất bán cho công ty cổ phần HALICO Việt Nam  
 Xuất tại kho: Công ty

T T	Tên nhiên hiệu, phẩm chất, quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Cao su SVR 3L	SVR 3L	Tấn	200	200	29.562.488	5.912.497.600
2							
3							
	<b>Cộng</b>						5.912.497.600

Số tiền viết bằng chữ: Năm tỉ chín trăm mười hai triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm đồng chẵn

Kèm theo .....Chứng từ gốc      Nhập, ngày 05 tháng 05 năm 2015

**Người lập phiếu    Người nhận hàng    Thủ kho    Kế toán trưởng    Thủ trưởng đơn vị**

**VD 3 :**

Hóa đơn số 0000217 , ngày 8/4/2015 , mua 200 Máy tính để bàn HP Pro 3330 - QT035AV. Đơn giá chưa thuế 8.540.000 đ của Công ty thương mại quốc tế Sơn Vi . Chưa thanh toán . VAT 10% . Tổng giá thực tế nhập kho :  $200 \times 8.540.000 = 1.708.000.000$  đ

Kế toán định khoản

Nợ TK 156 : 1.708.000.000 đ

Nợ TK 133 : 170.800.000 đ

Có TK 331 : 1.878.800.000 đ

Từ HDGTGT 217 ( Biểu 2.6) và Phiếu nhập kho 415 ( Biểu 2.7 ) Biên bản giao nhận ( Biểu 2.8 ) thủ kho vào thẻ kho ( Biểu 2.12 ) kế toán ghi vào Sổ chi tiết VL , DC, SP, HH (Biểu 2.14 ) Cuối tháng lập Bảng tổng hợp nhật xuất tồn ( Biểu 2.15 )

**VD 4 :**

Hóa đơn số 0000175 , ngày 16/4/2015 , Bán 12 Máy tính để bàn HP Pro 3330 - QT035AV . Đơn giá chưa thuế 10 % : 9.500.000 đ Cho công ty TNHH Long An. Chưa thu tiền .

Đầu kì tồn máy tính để bàn HP Pro 3330 - QT035AV = 0

Ngày 8/4 mua 200 máy tính đơn giá chưa thuế 8.540.000 đ.

Trị giá nhập = 1.708.000.000

Ngày 16/4 xuất 12 máy tính :

Đơn giá bình quân máy tính

$$0 + 1.708.000.000$$

$$\text{HP Pro 3330 - QT035AV xuất ngày 16/4} = \frac{0 + 1.708.000.000}{0 + 200} = 8.540.000 \text{ đ}$$

Trị giá xuất 12 máy tính =  $8.540.000 \times 12 = 102.480.000$  đ

Căn cứ vào HD GTGT kế toán định khoản

Giá vốn

Giá bán :

Nợ TK 632 : 102.480.000 Nợ TK 131 : 125.400.000

Có TK 156 : 102.480.000 Có TK 3331 : 11.400.000

Có TK 511 : 114.000.000

Từ HD GTGT 175 ( Biểu 2.9) và Phiếu xuất kho 445 ( Biểu 2.10 ) thủ kho ghi vào thẻ kho ( Biểu 2.12 ) kế toán ghi Sổ chi tiết VL , DC, SP, HH (Biểu 2.14 ) Cuối tháng lập Bảng tổng hợp nhật xuất tồn ( Biểu 2.15 )

**Biểu 2.6 HĐ 0000217**

Công ty Thương mại quốc tế Sơn Vi  
 Địa chỉ : Số 1136 đường Đê La Thành, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội  
 Mã số thuế : 0301523547  
 Số tài khoản :

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
 (VAT INVOICE)**

**Mẫu số :01GTKT2/001  
 Ký hiệu : AA/11P**

Liên 2: Giao cho người mua

**Số : 0000217**

Ngày 8 tháng 4 năm 2015

Họ tên người mua hàng

Tên đơn vị : **Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh Việt Nam**

Địa chỉ : **Số 619, lô 22 Đông Khê, P Đông Khê, Q Ngô Quyền, TP Hải Phòng**

Số tài khoản: Ngân hàng :

Hình thức thanh toán : **CK MST : 0200324636**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Máy tính để bàn HP Pro 3330 - QT035AV	Chiếc	200	8.540.000	1.708.000.000
Cộng tiền hàng					1.708.000.000
Thuế suất GTGT 10% Tiền Thuế GTGT:					170.800.000
Tổng cộng thanh toán					1.878.800.000
Số tiền viết bằng chữ : Một tỉ tám trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng chẵn					

**Người mua hàng**  
 ( Ký ghi rõ họ tên )

**Người bán hàng**  
 (ký ghi rõ họ tên )

**Thủ trưởng đơn vị**  
 ( Ký ghi rõ họ tên )

**Biểu 2.7 Phiếu nhập kho 415**

**Đơn vị :** Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh  
**Địa chỉ :** Số 619 Đông Khê Ngô Quyền Hải Phòng

**Mẫu Số** S02-VTT  
 Ban hành theo quyết định số 48 /2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính )

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 08 tháng 04 năm 2015

Nợ TK 156

Số : PN415

Có TK 331

Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Tuấn Phong

Địa chỉ : Công ty Thương mại quốc tế Sơn Vi

Theo HD 0000217 ngày 08/04/2015

Nhập tại kho: Công ty

T T	Tên nhiên hiệu, phẩm chất, quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thức nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy tính để bàn HP Pro 3330 -QT035AV	QT035AV	Chiếc	200	200	8.540.000	1.708.000.000
2							
3							
	<b>Cộng</b>						1.708.000.000

Số tiền viết chữ : Một tỉ bảy trăm linh tám triệu đồng chẵn

Kèm theo HD 000217.Chứng từ gốc Nhập, ngày 08 tháng 04 năm 2015

**Người giao hàng                      Thủ kho                      Kế toán trưởng                      Thủ trưởng đơn vị**

**Biểu 2.8 Biên bản giao nhận máy tính**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----&&&-----

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG**

Hôm nay , ngày 08 tháng 04 năm 2015 tại kho Đình Vũ chúng tôi gồm có

**BÊN A (Bên nhận hàng): CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH TÂN AN THỊNH VIỆT NAM**

Địa chỉ : Số 619 lô 22 Đông Khê , P.Ngô Quyền, Q. Ngô Quyền , Tp.Hải Phòng

Người đại diện : Phương Thanh Trang

Chức vụ : Nhân viên

**BÊN B (Bên giao hàng): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SON VI**

Địa chỉ : Số 1136 đường Đê La Thành,P.Ngọc Khánh,Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

Người đại diện : Lê Thị Ngọc Vân

Chức vụ : Nhân viên

Hai bên Thống nhất biên bản nhận cao su số lượng như sau :

Tên loại hàng	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Đúng quy cách	Không đúng quy cách
Máy tính để bàn HP	Pro 3330 - QT035AV	Cái	200	x	
<b>Tổng cộng :200 chiếc máy tính để bàn HP Pro 3330 -QT035AV</b>					

Biên bản này , đã được hai bên đối chiếu xem xét lại và được lập thành 2 (hai ) bản , mỗi bên giữ 1(một ) bản có giá trị pháp lý như nhau

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Biểu 2.9 HĐ 0000175**

Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh

Địa chỉ : Số 619, lô 22 Đông Khê, P Đông Khê, Q Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200324636

Số tài khoản :

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

**Mẫu số :01GTKT3/001**

**Ký hiệu : AA/11P**

Liên 3: Nội bộ

**Số : 0000175**

Ngày 16 tháng 4 năm 2015

Họ tên người mua hàng :**Trần Văn Minh**

Tên đơn vị : **Công ty TNHH Long An**

Địa chỉ : **Số 16 Ngô Tất Tố, P Văn Miếu, Q Đống Đa, TP Hà Nội**

Số tài khoản:

Ngân hàng :

Hình thức thanh toán : **CK MST : 0100304478**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Máy tính để bàn HP Pro 3330 - QT035AV	Chiếc	12	9.500.000	114.000.000
Cộng tiền hàng					114.000.000
Thuế suất GTGT 10% Tiền Thuế GTGT:					11.400.000
Tổng cộng thanh toán					125.400.000
Số tiền viết bằng chữ : Một trăm hai mươi năm triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn					

**Người mua hàng**

( Ký ghi rõ họ tên )

**Người bán hàng**

( ký ghi rõ họ tên )

**Thủ trưởng đơn vị**

( Ký ghi rõ họ tên )

**Biểu 2.10 Phiếu xuất kho 445**

Đơn vị : Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh  
 Địa chỉ : Số 619 Đông Khê Ngõ Quyền Hải Phòng

Mẫu Số S02-VTT  
 Ban hành theo quyết định số 48 /2006/QĐ-  
 BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính )

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 16 tháng 04 năm 2015  
 Số : PX445

Nợ TK 632  
 Có TK 156

Họ và tên người nhận hàng: Trần Văn An  
 Địa chỉ : Phòng Kinh doanh  
 Lý do : Xuất bán cho công ty TNHH Long An  
 Xuất tại kho: Công ty

T T	Tên nhãn hiệu, phẩm chất, quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy tính để bàn HP Pro 3330 -QT035AV	QT03 5AV	Chiếc	12	12	8.540.000	102.480.000
2							
3							
	<b>Cộng</b>						102.480.000

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo .....Chứng từ gốc      Nhập, ngày 16 tháng 04 năm 2015

**Người nhận hàng      Thủ kho      Kế toán trưởng      Thủ trưởng đơn vị**



**Biểu 2.11 Thẻ kho cao su**

Đơn vị : Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh  
 Địa chỉ : Số 619 Đông Khê Ngõ Quyền Hải Phòng

Mẫu Số S03b-DNN  
 Ban hành theo quyết định số 48 /2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính )

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ ngày 1 tháng 1 năm 2015  
 Tên nhãn hiệu , quy cách vật tư : Cao su SVR 3L

Đơn vị tính Tấn

Số TT	Ngày tháng	SHCT		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
A	B	C	D	E	F	1	2	3
				Số dư tồn đầu quý II				212,5
1	25/04/15	PNK493		Mua 200 tấn cao su của tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam	25/04/15	200		412,5
2	5/5/15		PXK504	Xuất bán 200 tấn cao su cho công ty HALICO Việt Nam	5/5/15		200	212,5
3	20/5/15	PNK593		Mua 445 tấn cao su của Tổng Công ty VT nông nghiệp	20/5/15	445		657,5
..	..	..	..	...	..	..	...	...
				<b>Cộng</b>		800	716	
<b>Tồn cuối quý II</b>					x			296,5

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.12 Thẻ kho máy tính**

Đơn vị : Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh  
 Địa chỉ : Số 619 Đông Khê Ngõ Quyền Hải Phòng

Mẫu Số S03b-DNN  
 Ban hành theo quyết định số 48 /2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính )

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ 1 tháng 1 năm 2015

Tên nhãn hiệu , quy cách vật tư : Máy tính để bàn HP Pro 3330 -QT035AV

Đơn vị tính : chiếc

Số TT	Ngày tháng	SHCT		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
A	B	C	D	E	F	1	2	3
				Số dư tồn đầu quý II				-
1	08/4/15	PNK415		Mua 200 chiếc Máy tính để bàn HP Pro 3330 - QT035AV của cty Sơn vi	08/4/15	200		200
2	16/4/15		PXK445	Xuất bán 12 chiếc Máy tính để bàn HP Pro 3330 - QT035AV cho công ty TNHH Long An	16/4/15		12	188
				<b>Cộng</b>		200	12	
<b>Tồn cuối quý II</b>					x			188

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Thủ kho**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu 2.13 Sổ chi tiết cao su**

**Đơn vị :** Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh  
**Địa chỉ :** Số 619 Đông Khê Ngõ Quyền Hải Phòng

Mẫu Số S11-DNN  
 Ban hành theo quyết định số 48 /2006/QĐ-BTC của  
 Bộ trưởng Bộ Tài Chính )

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

Năm 2015

Tài khoản 156 . Tên kho : số 05

Tên quy cách, vật liệu, dụng cụ ,sản phẩm ,hàng hóa : Cao su SVR 3L

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
		Tồn đầu quý II		29.150.712					212,5	6.194.526.300	
PN493	25/04/15	Mua 200 tấn cao su của tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam	331	30.000.000	200	6.000.000.000			412,5	12.194.526.300	
PX504	5/5/15	Xuất bán 200 tấn cao su cho công ty HALICO Việt Nam	632	29.562.488			200	5.912.497.600	212,5	6.282.028.700	
..	..	...	....	..	..	..	..	...	...	...	
		Tổng SPS			800	23.234.600.000	716	21.020.400.000			
		Tồn cuối quý II							296,5	8.498.400.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Giám đốc

**Biểu 2.14 Sổ chi tiết máy tính**

Đơn vị : Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh  
 Địa chỉ : Số 619 Đông Khê Ngõ Quyền Hải Phòng

Mẫu Số S11-DNN  
 Ban hành theo quyết định số 48 /2006/QĐ-BTC của  
 Bộ trưởng Bộ Tài Chính )

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

Năm 2015

Tài khoản 156 . Tên kho : số 06

Tên quy cách ,vật liệu, dụng cụ ,sản phẩm ,hàng hóa : Máy tính để bàn HP Pro 3330 -QT035AV

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
		Tồn đầu quý II		-					-	-	
PN415	08/04/15	Mua 200 chiếc Máy tính để bàn HP Pro 3330 -QT035AV của cty Sơn vi	112	8.540.000	200	1.708.000.000			200	1.708.000.000	
PX445	16/04/15	Xuất bán 12 chiếc Máy tính để bàn HP Pro 3330 -QT035AV cho công ty TNHH Long An	632	8.540.000			12	102.480.000	188	1.605.520.000	
		Tổng SPS			200	1.708.000.000	12	102.480.000			
		Tồn cuối quý II							188	1.605.520.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Giám đốc

**Biểu 2.15 Bảng tổng hợp nhập xuất tồn**

Đơn vị : Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh  
 Địa chỉ : Số 619 Đông Khê Ngô Quyền Hải Phòng

Mẫu Số S11-DNN  
 Ban hành theo quyết định số 48 /2006/QĐ-BTC của  
 Bộ trưởng Bộ Tài Chính )

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP, XUẤT, TỒN**  
 Tài khoản 156 : Hàng hóa  
 Quý II năm 2015

ST T	Tên hàng hóa	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	Cao su SVR 3L	Tấn	212,5	6.284.200.000	800	23.234.600.000	716	21.020.400.000	296,5	8.498.400.000
2	Máy tính HP Pro 3330 - QT035AV	Chiếc	-	-	200	1.708.000.000	12	102.480.000	188	1.605.520.000
..	...			...	...	...	..	..	..	....
	Tổng			9.455.123.000		32.564.890.000		28.144.466.000		13.875.547.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Giám đốc

**2.5: Kế toán tổng hợp hàng hóa tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh**

**2.5.1 Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng mua hàng
- Phiếu nhập kho (mẫu01-VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu02-VT)
- Thẻ kho( Mẫu số S09-DNN)
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có của ngân hàng,.....
- Và các chứng từ khác liênquan

**2.5.2 Tài khoản sử dụng:**

Để hạch toán hàng tồn kho công ty sử dụng tài khoản:

-TK 156: Hàng hoá và mở các tài khoản cấp 2:

....

- Các tài khoản khác có liên quan:

+ TK 111: tiền mặt

+ TK 112: Tiền gửi ngân hàng

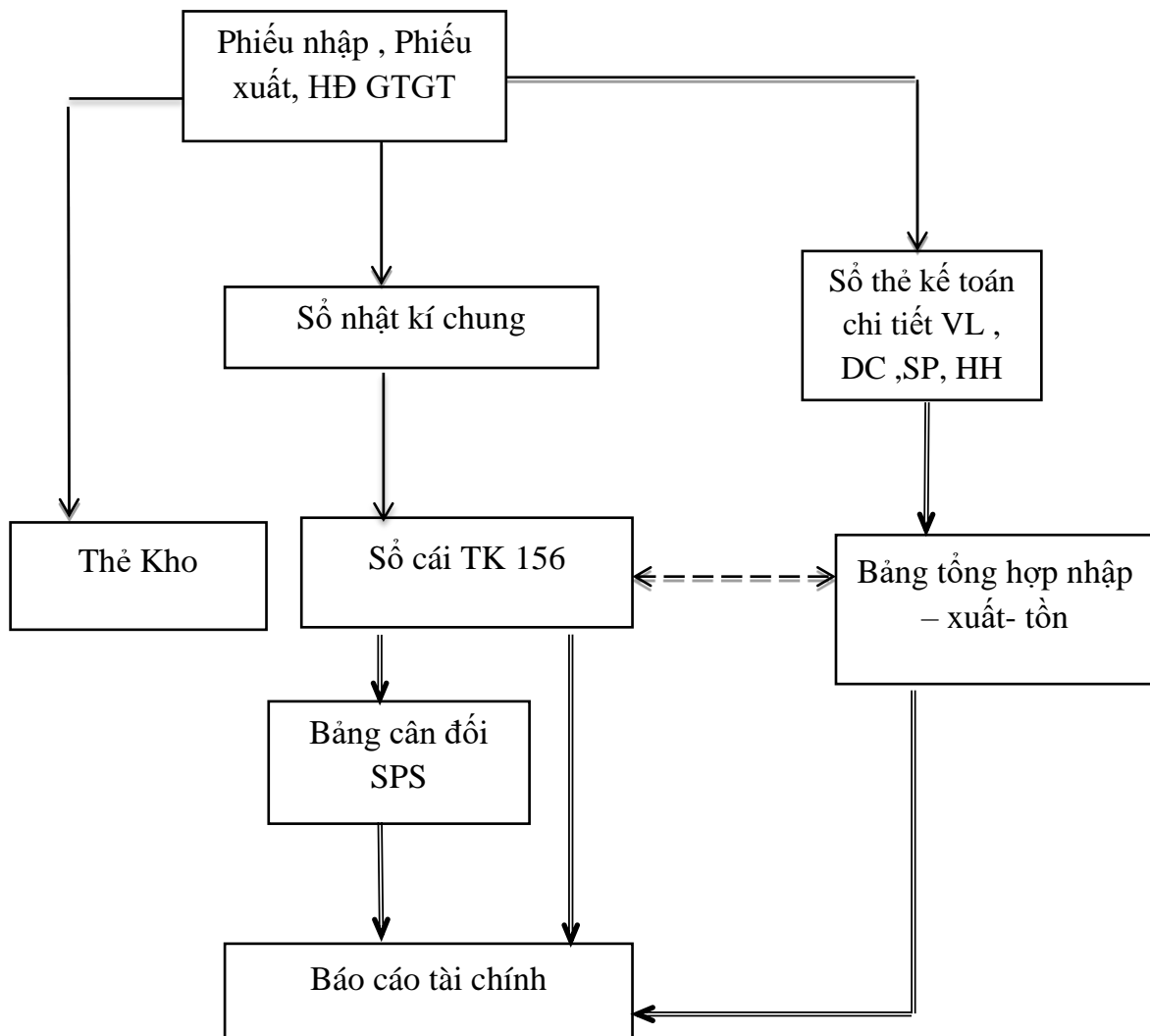
+ TK 331: Phải trả người bán và được mở chi tiết cho từng người bán.

+ TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ

+ TK 632: Giá vốn hàng bán

**2.5.3. Quy trình hạch toán hàng hóa của công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh**

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty thể hiện theo sơ đồ



Ghi chú :

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng: =========>

Đối chiếu , kiểm tra : <----->

**Sơ đồ 2.5 Trình tự ghi sổ kế toán của công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh**

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và các chứng từ kế toán khác, kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại. Đồng thời, kế toán chi tiết hàng hóa vào sổ chi tiết TK 156. Cuối tháng, kế toán phản ánh nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung rồi vào sổ cái TK 156

Ví dụ 3: minh họa tiếp phần ghi sổ tổng hợp của ví dụ 1

Từ HĐ GTGT 41 ( Biểu 2.1) và Phiếu nhập kho 493 ( Biểu 2.2 ) Biên bản giao nhận ( Biểu 2.3 ) kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 156

Ví dụ 4: minh họa tiếp phần ghi sổ tổng hợp của ví dụ 2

Từ Phiếu xuất kho 504 ( Biểu 2.5) Hóa đơn GTGT 193 ( Biểu 2.4 ) kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 156

**Biểu 2.16 Sổ nhật kí chung**

**Mẫu số S03a-DNN**

**Đơn vị :** Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC của bộ trưởng bộ tài chính )

**Địa chỉ:** Số 619 Đông Khê, Ngô Quyền,

Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2015**

DVT: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
..	..	..	..	..	..	..
08/04	HĐ217 PN415	08/4	Mua 200 chiếc Máy tính để bàn HP Pro 3330 - QT035AV của cty Sơn vi	156 133 331	1.708.000.000 170.800.000	1.878.800.000
16//04	PX445	16/4	Xuất bán 12 chiếc Máy tính để bàn HP Pro 3330 - QT035AV cho công ty	632 156 131	102.480.000 125.400.000	102.480.000
16/4	HĐ175	16/4	TNHH Long An chưa thu tiền	3331 511		11.400.000 114.000.000
25/4	HĐ41 PN493	25/4	Mua 200 T cao su của Tập đoàn công nghiệp cao su VN, chưa thanh toán	156 133 331	6.000.000.000 300.000.000	6.300.000.000
...	...	...	...	.	..	...
05/05 5/5	PX504 HĐ193	5/5 05/5	Bán 200 T cao su cho công ty cổ phần HALICO VN, chưa thu tiền	632 156 131 3331 511	5.912.497.600 6.770.400.000	5.912.497.600 322.400.000 6.448.000.000
..	...	..	....	..	....	....
			Cộng SPS		142.766.120.000	142.766.120.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Biểu 2.17 Sổ cái 156**

Đơn vị : Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh  
 Địa chỉ: Số 619 Đông Khê, Ngô Quyền,  
 Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN  
 (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
 của bộ trưởng bộ tài chính )

**SỔ CÁI**

Trích quý II Năm 2015  
 Tên tài khoản : Hàng hóa  
 Số hiệu tài khoản : 156

ĐVT: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư Quý II		9.455.123.000	
08/4	PN415	08/4	Mua 200 chiếc Máy tính để bàn HP Pro 3330 -QT035AV của cty Sơn vi Chưa TT	331	708.000.000	
06/4	PX445	06/4	Xuất bán 12 chiếc Máy tính để bàn HP Pro 3330 - QT035AV cho công ty TNHH Long An , chưa TT	532		02.480.000
25/4	HĐ41	25/4	Mua 200 T cao su SVR 3LTập đoàn công nghiệp cao su VN, chưa thanh toán	331	5.000.000.000	
29/4	HĐ 70	29/4	Mua 70 Tấn cao su SVR 2L của công ty Hùng Thắng chưa thanh toán	331	2.150.000.000	
05/5	HĐ193	05/5	Bán 200 T cao su cho công ty cổ phần HALICO VN, chưa thu tiền	532		5.912.497.600
	..		...	..	..	..
			Tổng SPS		32.564.890.000	28.144.466.000
			Số dư cuối quý II		3.875.547.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**CHƯƠNG III****MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY TNHH MÁY TÍNH TÂN AN THỊNH****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán hàng hóa tại công ty**

Trong suốt quá trình từ khi thành lập công ty Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh luôn có hướng phát triển tốt, trải qua nhiều giai đoạn khó khăn phức tạp về nhiều mặt nhất là từ khi có cơ chế thị trường. Công ty Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh đã có những bước tiến rõ rệt:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên
- Làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước
- Không ngừng tăng cường đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng kinh doanh
- Đào tạo và lựa chọn đội ngũ cán bộ, công nhân có đủ năng lực và trình độ để đáp ứng mọi yêu cầu sản xuất kinh doanh trong tình hình hiện nay

**3.1.1. Ưu điểm**

Trong năm 2015 công ty Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh đã phát huy được truyền thống bảo đảm chất lượng và số lượng hàng hóa cho bạn hàng nên uy tín trong thị trường và số lượng khách hàng ngày càng nâng cao.

- Hình thức nhật ký chung mà công ty đang sử dụng khá phù hợp với công tác kế toán của công ty. Về kế toán chi tiết hàng hóa công ty áp dụng phương pháp thẻ song song là tương đối thích hợp với công tác theo dõi từng loại hàng hóa. Bởi số lượng và chủng loại hàng hóa ở doanh nghiệp không thực sự quá nhiều. Các chứng từ ban đầu được công ty tổ chức ghi chép khá chặt chẽ, phù hợp với quy định của chế độ, tình hình đặc điểm của công ty và là cơ sở ban đầu trung thực để ghi chép các sổ sách kế toán tiếp theo. Đối với kế toán tổng hợp hàng hóa các loại sổ được mở về cơ bản là tuân theo chế độ quy định của Bộ Tài chính, áp dụng hệ thống tài khoản đã được ban hành, công ty cũng có những quy định riêng về các tài khoản chi tiết sử dụng tùy theo đặc điểm và nhu cầu ghi chép hàng hóa.
- Về hình thức tổ chức bộ máy kế toán: do công ty Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh có quy mô không lớn nên bộ máy kế toán của công ty được

tổ chức theo mô hình kế toán tập trung, quyền kiểm soát và điều hành do kế toán trưởng đảm trách. Bộ máy kế toán của công ty đã xây dựng chuyên môn hóa trong công việc một cách hợp lý có thể. Mỗi nhân viên kế toán trong công ty đều là những người có năng lực và chuyên môn hóa khá cao nên công tác kế toán thực hiện khá chính xác và bước đầu có hiệu quả. Đồng thời trong mối liên quan giữa các phòng ban, phòng kế toán tài chính cũng đã phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác để thực hiện tốt nhiệm vụ.

Tuy nhiên do mỗi nghiệp vụ kinh tế trên thực tế diễn ra rất đa dạng và phức tạp, ngày càng có nhiều nét mới. Do vậy công việc kế toán cũng ngày càng đòi hỏi có nhiều kiến thức, năng lực và kinh nghiệm. Một bộ máy kế toán có tổ chức tốt đến đâu cũng khó có thể tránh khỏi những sai sót.

### **3.1.2. Nhược điểm**

Những hạn chế của công tác kế toán có thể ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau tới công tác quản lý mà chúng ta phải đánh giá đúng và thường xuyên phân tích, tìm hiểu để có biện pháp khắc phục. Từ đó nhằm càng hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán.

Qua thời gian đi sâu vào tìm hiểu công tác kế toán hàng hóa của công ty Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh em đã thấy bên cạnh những mặt công ty đã thực hiện rất tốt thì vẫn còn một số hạn chế trong công tác kế toán hàng hóa. Hạn chế trong công tác kế toán hàng hóa của công ty được thể hiện ở một số vấn đề sau:

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Sự biến động của giá cả của các loại hàng hóa trên thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tuân thủ theo nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho hàng hóa ở công ty là rất cần thiết. Vì vậy doanh nghiệp có thể nghiên cứu xem xét để có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng quy định.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào công tác kế toán: Trong điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt, công tác quản trị doanh nghiệp đòi hỏi phải có được thông tin một cách đầy đủ và nhanh chóng. Hiện nay, tại phòng kế toán của công ty việc ghi sổ sách vẫn còn thực hiện thủ công trên Excel. Do đó, quá trình hạch toán có thể dẫn đến sai sót và việc cung cấp thông tin cho quản lý không được kịp thời nhanh chóng.

- Không lập danh điểm hàng hóa : Qua thời gian đi sâu vào tìm hiểu công tác kế toán hàng hóa của công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh em đã thấy bên cạnh những mặt công ty đã thực hiện rất tốt thì vẫn còn một số hạn chế trong công tác kế toán hàng hóa . Hạn chế lớn nhất trong công tác kế toán hàng hóa là công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại hàng hóa do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý hàng hóa. Các loại hàng hóa mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất rất khó để mọi người nhận biết từng nhóm hàng. Do vậy, công tác quản lý hàng hóa chưa đạt được hiệu quả tối ưu, khối lượng công việc nhiều. Đây là vấn đề bản lãnh đạo cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống danh điểm được mã hóa khoa học hợp lý hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, sử dụng và thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán

### **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh**

Quá trình hạch toán hàng hóa ở công ty Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh nhìn chung là đúng chế độ, đáp ứng nhiều thông tin cho nhu cầu quản lý. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm cần củng cố và sửa đổi. Sau đây là một số kiến nghị rất mong muốn được góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh

#### **3.2.1. Hoàn thiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Sự biến động về giá cả của hàng hóa trên thị trường ảnh hưởng rất lớn tới tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, tuân thủ nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ở công ty là rất cần thiết.

Công việc lập dự phòng được tiến hành như sau: dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi vào cuối niên độ kế toán khi lập báo cáo tài chính.

- Việc lập dự phòng giảm giá được tính cho từng loại hàng hóa và được thực hiện thống nhất trong toàn công ty.
- Theo thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 “ Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp ” : cuối kì kế toán khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá

trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có

thể thực hiện được của chúng.

- Cuối niên độ kế toán phải hoàn nhập toàn bộ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối niên độ trước và lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho đến cuối niên độ tiếp theo. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được phản ánh ở tài khoản 1593

+ Bên Nợ: giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ

+ Bên Có: giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

+ Số dư Có: giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ

- Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá hàng hóa cho năm kế hoạch} = \text{Lượng hàng hóa thực tế tồn kho tại 31/12 năm báo cáo} \times \left[ \begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán} \\ \text{Giá thực tế hàng tồn kho trên thị trường tại 31/12 của năm báo cáo} \end{array} \right]$$

VD : Cuối năm 2015 giá cao su SVR 3L trên thị trường chỉ còn 27.125.500 đ/tấn. Trong khi đó giá ghi sổ của công ty 28.662.394 đ/tấn, trong kho còn 296,5 tấn khi đó công ty cần lập dự phòng giảm giá cho lượng hàng hóa này .

Mức giảm giá cao su SVR 3L : 28.662.394 – 27.125.500 = 1.536.894đ/tấn

Mức trích lập dự phòng : 1.536.894 đ x 296,5 tấn = 455.689.071 đ

Việc lập dự phòng giảm giá được tiến hành riêng cho từng loại hàng hóa và được tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá hàng hóa

**BẢNG KÊ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG HÓA**

Đơn vị : đồng

Tên HH	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá ghi sổ	Đơn giá thực tế	Mức chênh lệch	Mức dự phòng
Cao su SVR 3L		Tấn	296,5	28.662.394	27.125.500	1.536.894	455.689.071
Cao Su SVR 2L		Tấn	172,4	27.500.000	25.300.000	2.200.000	379.280.000
Máy tính HP Pro 4530 - QT045AV		Chiếc	188	9.000.000	8.1250.000	875.000	164.500.000
Cộng							999.469.071

Kế toán định khoản

Nợ TK 632 : 999.469.071 đ

Có TK 159 : 999.469.071 đ

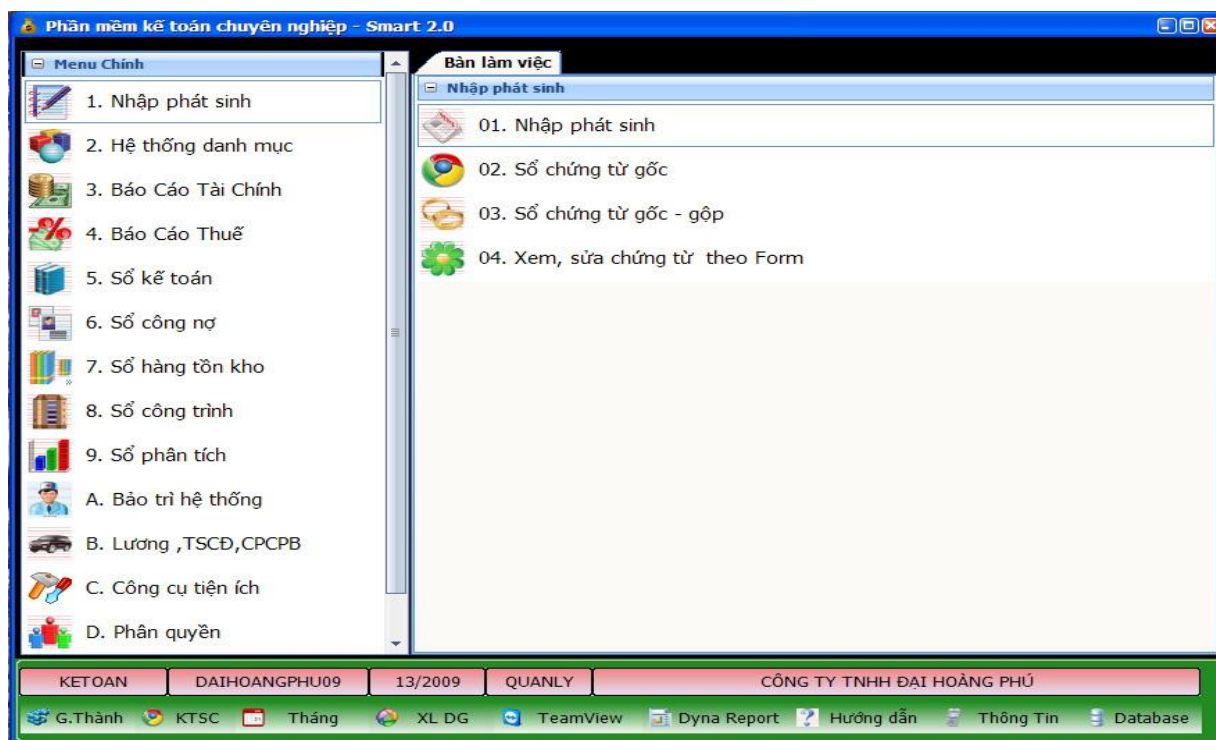
Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên rồi từ đó vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK có liên quan

### 3.2.2. Hiện đại hóa công tác kế toán

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt, công tác quản trị doanh nghiệp đòi hỏi phải có được thông tin một cách đầy đủ và nhanh chóng. Hiện nay, tại phòng kế toán của công ty việc ghi sổ sách vẫn còn thực hiện thủ công trên Excel. Do đó, quá trình hạch toán có thể dẫn đến sai sót và việc cung cấp thông tin cho quản lý không được kịp thời nhanh chóng. Công ty nên nhanh chóng tiếp cận, ứng dụng máy vi tính vào việc hạch toán để việc thu nhận, xử lý thông tin kế toán cho quản lý một cách kịp thời chính xác. Để thực hiện được điều này thì trước hết cần phải có sự quan tâm chỉ đạo của các nhà quản lý công ty. Tăng cường đầu tư vốn cho mua sắm thiết bị, lắp đặt chương trình phần mềm kế toán máy. Đối với nhân viên kế toán thì cần phải cố gắng tìm tòi, học hỏi thêm trong lĩnh vực tin học để có thể thực hiện được các công việc kế toán trên máy vi tính một cách dễ dàng và thuận lợi.

Dưới đây là một số phần mềm kế toán công ty có thể sử dụng:

#### Phần mềm Kế toán SMART



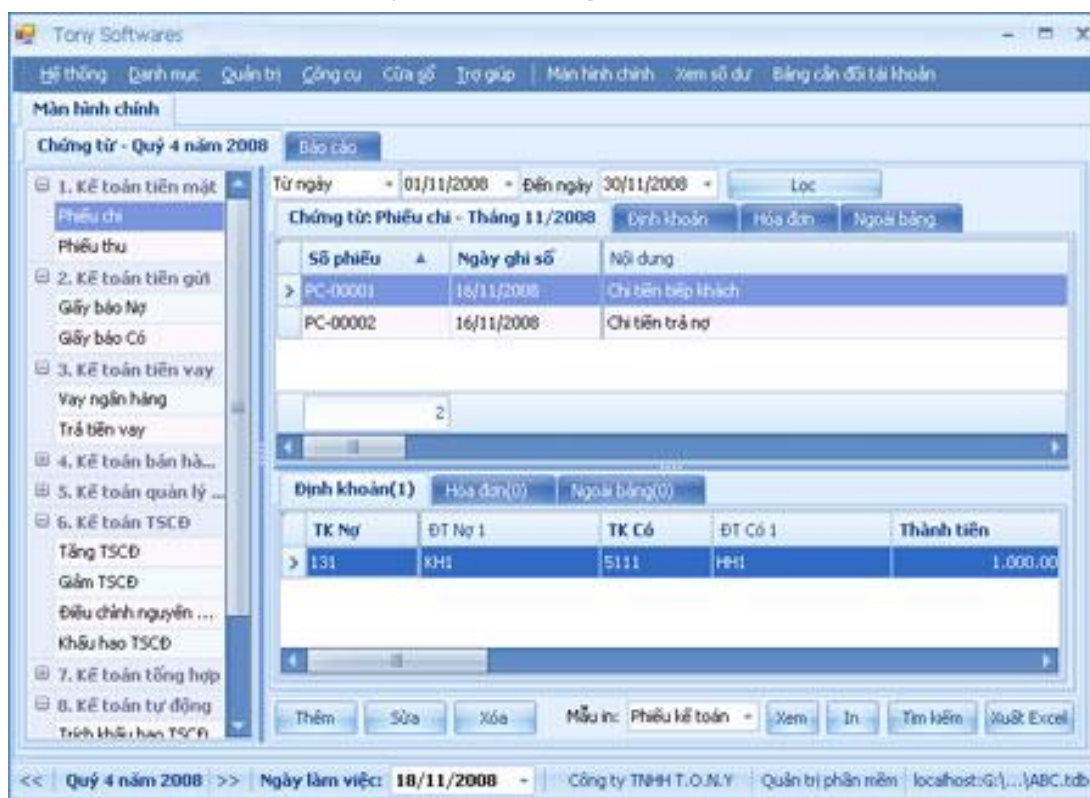
Đây là phần mềm thông dụng và phổ biến hiện nay. Bên cạnh những biểu mẫu tiếng Việt theo quyết định mới nhất là quyết định 15 và quyết định 48 theo thông tư mới nhất (Thông tư 60), Smart còn có một số mẫu biểu báo cáo tiếng Anh, Báo cáo song ngữ Anh-Việt theo quyết định 15 như: Phiếu Thu, Phiếu Chi, Phiếu Nhập Kho, Phiếu Xuất Kho, Báo Cáo Doanh Thu Chi Phí, Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh, Lưu Chuyển Tiền Tệ, Bảng Cân Đối Kế Toán, Bảng Cân Đối

Phát Sinh.... để phục vụ cho một số bạn làm kế toán cho các doanh nghiệp có vốn

đầu tư nước ngoài. Smart 2.0 phù hợp với các Công ty xây dựng, sản xuất, thương mại dịch vụ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, tổng công ty hoặc liên hiệp các xí nghiệp quản lý trực tiếp hai cấp (cấp tổng công ty và công ty thành viên). Đối với các công ty làm dịch vụ kế toán thì Smart hỗ trợ chức năng tạo nhiều Database nên rất thuận lợi để làm nhiều công ty trên một phần mềm

Đơn giá 2.000.000 – 4.000.000đ tùy theo các phiên bản.

### Phần mềm kế toán Tony Accounting



Tony Accounting được xây dựng dựa trên các chuẩn mực, nghị định, thông tư mới nhất về kế toán tại Việt Nam. Phần mềm luôn được tối ưu hóa, bổ sung và nâng cấp. Phần mềm tuân thủ đầy đủ theo Quyết định 15/2006, Quyết định 48/2006, Nghị định 51 và Thông tư 28/2011

Phần mềm phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp: thương mại, dịch vụ, sản xuất, xây dựng.

Đơn giá khoảng 3.000.000đ cho doanh nghiệp thương mại – dịch vụ



Phần mềm MISA SME.NET 2015



Đây là phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Với MISA, doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ nơi đâu, bất cứ khi nào thông qua internet. Đặc biệt, nó còn hỗ trợ doanh nghiệp tạo máu, phát hành quản lý và sử dụng hóa đơn theo nghị định 51/2010/NĐ-CP.



Đơn giá 9.950.000đ

Theo em công ty nên chọn phần mềm kế toán SMART vì giá thành của sản phẩm này rẻ, các tính năng của nó phù hợp với qui mô cũng như ngành nghề kinh doanh của công ty.

### 3.2.3. Về công tác xây dựng danh điểm hàng hóa

Sổ danh điểm hàng hóa là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại hàng hóa đã và đang kinh doanh, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách hàng hóa một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm hàng hóa có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm hàng hóa được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết. Hiện nay công ty không có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại hàng hóa. Việc không lập sổ danh điểm hàng hóa sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý hàng hóa. Việc quản lý hàng hóa có thể sẽ có nhầm lẫn, thiếu thống nhất và rất khó để phân biệt các nhóm, loại hàng hóa.

Xây dựng sổ danh điểm hàng hóa, giúp cho việc quản lý từng loại hàng hóa sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn kho. Khi có sổ danh điểm, việc cập nhật số liệu vào máy tính và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý hàng hóa trong công ty sẽ được chặt chẽ, thống nhất, khoa học hơn.

Để lập sổ danh điểm hàng hóa, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã hàng hóa chính xác, đầy đủ không trùng lặp. Công ty cần thực hiện theo những nguyên tắc sau:

+ Mã hóa hàng hóa theo cách phân loại ban đầu, xây dựng hệ thống mã phân cấp, mã gồm nhiều trường trong đó trường tận cùng bên trái mang đặc trưng chủ yếu nhất.

+ Khi cần thiết ta kéo dài về bên phải. Ví dụ hàng hóa có hai nhóm thì tên mỗi nhóm ta thêm 2 chữ số mã hóa về bên phải đằng sau mã của nhóm cho đến hết 2 loại:

➤ 1561.01: nhóm cao su SVR

Trong đó:

- 1561.01.01: Cao su SVR 3l
- 1561.01.01: Cao su SVR 2l

...

➤ 1561.02: nhóm máy tính để bàn

Trong đó:

- 1561.02.01: Máy tính HP Pro 3330 -QT035AV
- 1561.02.02: Máy tính HP Pro 4530 -QT045AV

...

Qua nghiên cứu, tìm hiểu các loại hàng hóa tại công ty, em thấy công ty có thể xây dựng sổ danh điểm hàng hóa như sau (Biểu 3.1)

Kho	Danh điểm hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
Công ty	1561	Hàng hóa		
	1561.01	Nhóm Cao su	Tấn	
	1561.01.01	Cao su SVR 31	Tấn	
	1561.01.02	Cao su SVR 21	Tấn	
	..	...	..	
	1561.02	Máy tính	Chiếc	
	1561.02.01	Máy tính HP Pro 3330 -QT035AV	Chiếc	
	1561.02.02	Máy tính HP Pro 4530 -QT045AV	Chiếc	
	..	..	..	

- Mở sổ danh điểm hàng hóa phải cố sự kết hợp nghiên cứu của phòng kế toán , phòng kế toán cung ứng sau đó trình lên cơ quan chủ quản của công ty để thống nhất quản lý và sử dụng trong toàn công ty

- Khi công ty xây dựng được hệ thống danh điểm hàng hóa thì việc theo dõi, kiểm tra hàng hóa được dễ dàng hơn rất nhiều và như vậy ban lãnh đạo có thể đưa ra hướng giải quyết kinh doanh của toàn doanh nghiệp

**3.2.4. Một số giải pháp khác:**

- Công ty cần có chương trình đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên kế toán, để đảm bảo đội ngũ kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp, mà còn am hiểu, thành thạo phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị và lập báo cáo tài chính.

- Nên có nhiều những chính sách ưu đãi hơn nữa đối với những khách hàng quen biết từ lâu năm. Chẳng hạn, công ty có thể giảm trị giá hợp đồng theo tỉ lệ phần trăm nào đó nếu họ ký kết với công ty một hợp đồng có giá trị lớn hoặc thanh toán nhanh.

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, những hình thức ưu đãi hợp lý, linh hoạt trong bán hàng sẽ là công cụ rất mạnh mẽ để thu hút khách hàng, tăng cường khả năng tiêu thụ hàng hóa, tăng lợi nhuận kinh doanh.

## KẾT LUẬN

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ ràng mục tiêu con đường phát triển của mình, công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Để trở thành công cụ quản lý có hiệu quả, kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện, nhằm đáp ứng công tác quản lý trong nền kinh tế hiện nay.

Sau thời gian thực tập tại công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh, được sự giúp đỡ của thầy hướng dẫn và các anh chị trong phòng Kế toán công ty, em đã nhận thực được mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động kế toán tại công ty, sự cần thiết, tầm quan trọng của kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng.

Tuy nhiên thời gian có hạn và trình độ hiểu biết còn nhiều hạn chế mà sự vận dụng lý thuyết nhà trường vào thực tiễn là cả một quá trình. Do đó, khóa luận không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong được sự chỉ bảo góp ý kiến của các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng Kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô Th.s Nguyễn Thị Mai Linh, cùng các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, cùng Ban Lãnh đạo và các cô chú anh chị trong phòng kế toán công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh đã tạo điều kiện, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính ( 2014 ), Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán vừa và nhỏ, Nhà xuất bản lao động
2. Bộ tài chính ( 2014 ), Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ sửa đổi bổ sung, Nhà xuất bản tài chính
3. Bộ tài chính ( 2006 ), Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC
4. Công ty TNHH máy tính Tân An Thịnh ( 2015 ), Sổ sách kế toán của công ty
5. Thư viện pháp luật , <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Quyet-dinh-48-2006-QD-BTC-Che-do-Ke-toan-Doanh-nghiep-nho-va-vua-14361.aspx>
6. Hệ thống tài khoản kế toán, <http://www.niceaccouting.com>